



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2022**

MỤC LỤC



THÔNGIỆP

GIỚI THIỆU LASUCO GROUP

Thông điệp của Chủ tịch Hội
đồng Quản trị 3

Trang
03



CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

- 1. Thông tin khái quát 7
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh
doanh 9
- 3. Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy
quản lý 13
- 4. Định hướng phát triển của
Công ty 29

Trang
06



CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1. Những dấu ấn tiêu biểu của
Lasuco năm 2022 35
- 2. Tình hình hoạt động SXKD 39
- 3. Tình hình đầu tư – thực hiện các
dự án 40
- 4. Tình hình tài chính 41
- 5. Báo cáo - Đánh giá tác động liên
quan đến môi trường và xã hội 45

Trang
34



CHƯƠNG 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 1. Tình hình tài chính 51
- 2. Tình hình Sản xuất Kinh doanh
niên độ 2021/2022 52
- 3. Một số tồn tại, hạn chế 54

Trang
50



CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hoạt động của HĐQT 57
- 2. Hoạt động của Ban kiểm soát 63
- 3. Các giao dịch, thù lao và các
khoản lợi ích của HĐQT 65

Trang
56



CHƯƠNG 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1. Báo cáo tài chính kiểm toán
riêng của công ty mẹ 73
- 2. Báo cáo tài chính kiểm toán
hợp nhất 83

Trang
72

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi: - Quý vị cổ đông
- Quý đối tác/ khách hàng.

Năm 2021/2022 diễn ra trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn; lạm phát duy trì ở mức cao, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tỷ giá USD nhiều biến động, thời tiết diễn biến bất thường. Dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, khó dự đoán với sự xuất hiện của nhiều biến chủng mới, khả năng lây lan nhanh.

Với quyết tâm phục hồi, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh sau đại dịch, tạo đà hoàn thành mục tiêu nhiệm kỳ 2021-2026 theo nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty đã cùng Ban điều hành quyết liệt, tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Trên cơ sở đó, hoạt động SXKD năm 2021/2022 của Công ty đã đạt được kết quả đáng ghi nhận: Doanh thu đạt 2.041 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 49,9 tỷ đồng, cao hơn những năm trước. Sản xuất kinh doanh duy trì ổn định; Chú trọng phát triển vùng nguyên liệu; Mở rộng thị trường các sản phẩm NN CNC, lúa gạo, đồ uống. Hoạt động xuất nhập khẩu được điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Công tác quản trị, tổ chức bộ máy nhân sự được cải tiến tinh gọn. Ứng dụng chương trình chuyển đổi số, thực hiện tốt hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành. Thu nhập, đời sống người lao động được ổn định; tạo sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông, đối tác, quý khách hàng và CBCNV Công ty

HĐQT trân trọng cảm ơn Quý cổ đông, Nhà đầu tư; Quý đối tác, khách hàng và CBCNV luôn đồng hành, ủng hộ LASUCO trong suốt giai đoạn khó khăn, thách thức vừa qua để LASUCO ổn định và phát triển.

Niên độ SXKD 2022-2023, HĐQT nhận định vẫn luôn có những thuận lợi, cơ hội; đan xen với khó khăn, thách thức; nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn do dự báo rủi ro kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục gia tăng: Thương mại hàng hoá toàn cầu suy

giảm; đứt gãy chuỗi cung ứng; giá hàng hoá thiết yếu tăng; áp lực lạm phát cao; điều kiện tài chính có xu hướng thắt chặt; ngoài ra còn rủi ro thời tiết, dịch bệnh. HĐQT tiếp tục chỉ đạo, tổ chức triển khai tốt các quyết nghị mà ĐHĐCĐ năm 2022/2023 sẽ thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ. Quản lý, quản trị điều hành chủ động, linh hoạt, ứng phó với diễn biến khó lường để đạt được hiệu quả tốt nhất. Ban hành các chính sách phát triển vùng nguyên liệu, đặc biệt là thâm canh tăng năng suất; đẩy mạnh hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu. Tập trung sản xuất chế biến từ mía, nguyên liệu đường thô, khai thác và phát huy thế mạnh của các nhà máy đường, Nhà máy đường phèn, Nhà máy điện. Nâng cao hiệu quả các sản phẩm NNCNC, lúa gạo, đồ uống. Khai thác, sử dụng tối ưu các nguồn lực. Phát huy sáng kiến sáng ứng dụng vào lao động sản xuất. Hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

HĐQT mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác/khách hàng. Cùng với sự quản trị điều hành linh hoạt, bản lĩnh, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, sự nỗ lực, đoàn kết của CBCNV. HĐQT tin tưởng sẽ hoàn thành mục tiêu chiến lược, giữ vững thương hiệu LASUCO uy tín, vững mạnh trên thị trường, đồng thời mang đến những giá trị thiết thực cho tất cả Quý cổ đông, quý Nhà đầu tư, quý đối tác/ khách hàng.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn./.

Trân trọng!

THAY MẶT HĐQT CÔNG TY



Lê Văn Tân

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông LÊ VĂN TÂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



FOOD mood



CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển của Công ty

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên tiếng giao dịch tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
Tên tiếng Anh:
Lam Son Sugar Cane Joint Stock Corporation
Tên viết tắt: LASUCO
Mã giao dịch: LSS

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2800463346
Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng lý lần đầu ngày 23/12/1999.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trụ sở chính: TT. Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Điện thoại: 0237 899 6667
Fax: 02373 834 092
Email: Info@lasuco.vn
Website: www.lasuco.com.vn | lasuco.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn. Ngày 12 tháng 01 năm 1980: Thủ tướng Chính Phủ ký quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn. Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp cung cấp. Nhằm khai thác tiềm năng đất đai, phủ xanh đất trống đồi trọc và lực lượng lao động ở khu vực miền Tây Tĩnh Thanh Hóa, giải quyết tình trạng thiếu đường trong cả nước. Địa điểm xây dựng tại xã Thọ Xương (nay là Thị trấn Lam Sơn), Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa.

VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

700 tỷ Đồng

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Công nghiệp sản xuất đường, điện;
- Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao: Rau, Hoa, quả cao cấp;
- Sản xuất lúa gạo hữu cơ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh khác:

- Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm nông sản, thực phẩm, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống, xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.



Mục tiêu của Công ty:

Xây dựng và phát triển LASUCO thành tập đoàn kinh tế Nông nghiệp chuyên sâu bền vững, sản xuất, chế biến nông sản thực phẩm sạch theo hướng hữu cơ đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Đảm bảo hài hòa các mối quan hệ lợi ích bền vững giữa Cổ đông - Người trồng mía - Người lao động trong doanh nghiệp và lợi ích xã hội, cộng đồng.

Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

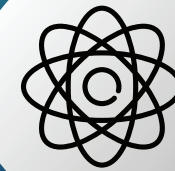
Tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Địa bàn kinh doanh:

Xây dựng và phát triển hệ thống thị trường trong nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, triển khai có hiệu quả chương trình xuất khẩu và nhập khẩu.

TẦM NHÌN

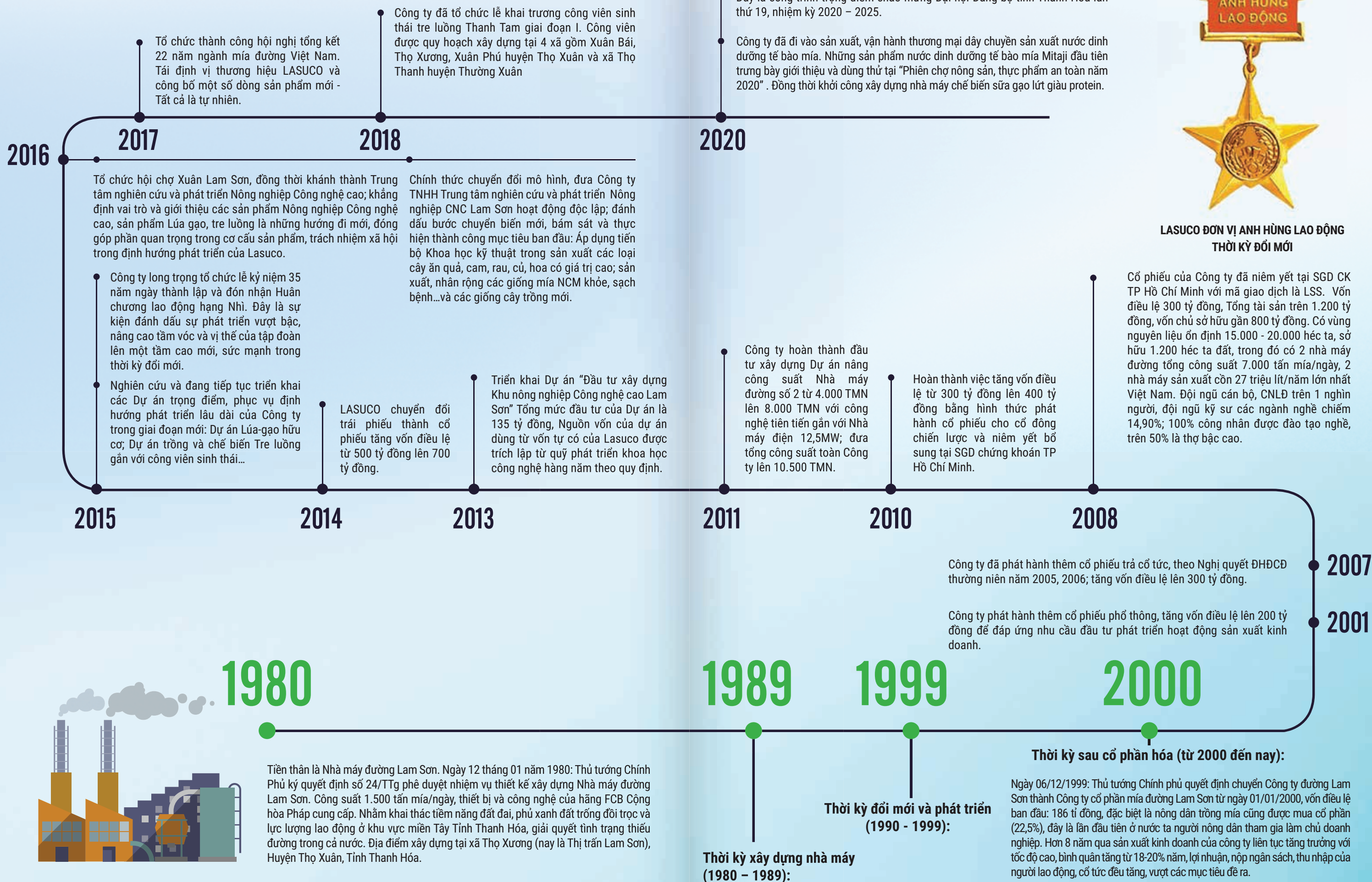
Xây dựng và phát triển LASUCO trở thành một tập đoàn hàng đầu Việt Nam ứng dụng công nghệ cao trong phát triển sản phẩm sạch từ thiên nhiên với hàm lượng dinh dưỡng cao đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng toàn cầu.



SỨ MỆNH

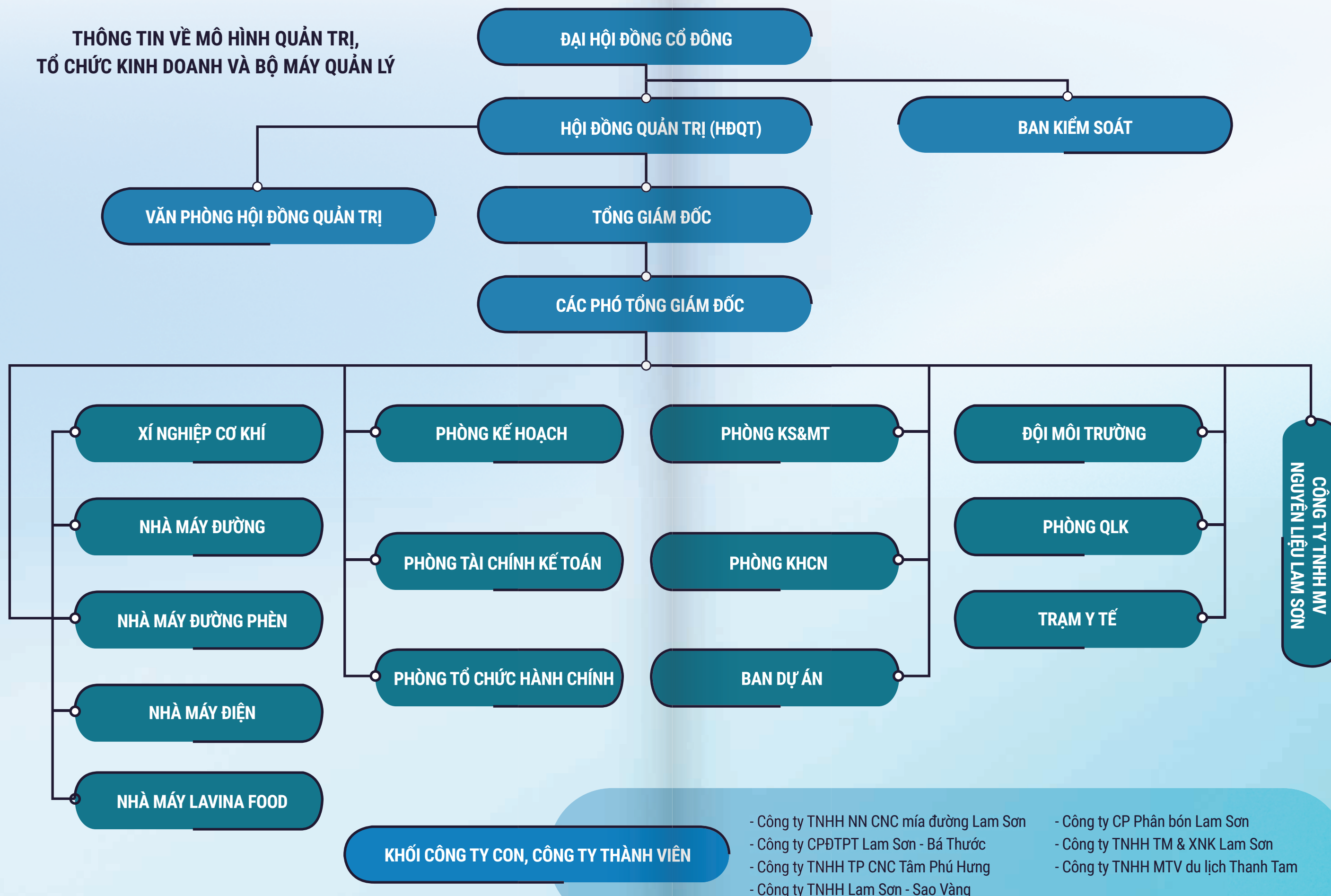
LASUCO luôn sáng tạo nhằm mang đến cho người tiêu dùng toàn cầu những sản phẩm chất lượng từ thiên nhiên, an toàn và tin cậy. Đồng thời mang đến giá trị gia tăng cho cổ đông, người nông dân, khách hàng, nhân viên và đóng góp tích cực cho cộng đồng.





LASUCO ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ VĂN TÂN

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Sinh ngày: 15/08/1971

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ QTKD
- Kỹ sư điện tự động hóa.

Quá trình công tác:

- Từ 09/1989 đến 06/1999: Làm tại Xưởng SX bánh kẹo Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 07/1999 đến 06/2005: Kỹ thuật tự động hóa Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 05/2005 đến 01/2007: Quản đốc tại Công ty TNHH Sữa Milas.
- Từ 2/2007 đến 9/2011: Chủ tịch HĐQT-Công ty CP thiết bị TĐH An Phát.
- Từ 10/2011 đến 05/2015: Phó phòng kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 06/2015 đến 09/2017: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP phân bón Lam Sơn.
- Từ 10/2017 đến 12/2018: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Phó chủ tịch HĐQT; Giám đốc Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn.
- Từ 1/2019 đến 10/2021: Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Lam Sơn - Sao Vàng
- Từ 11/2021 đến nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón Lam Sơn; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Lam Sơn - Sao Vàng; Chủ tịch Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn; Chủ tịch Công ty NN CNC mía đường Lam Sơn; Chủ tịch Công ty TNHH thực phẩm CNC Tâm Phú Hưng



ÔNG LÊ TRUNG THÀNH

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Sinh ngày: 10/05/1965

Trình độ chuyên môn: -Cao cấp lý luận chính trị
- Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1993-2003: Giám đốc CN Hà Nội - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 2003- 2004: Học tại Học Viện Chính trị Quốc Gia HCM
- Từ 2004-2006: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường Lam Sơn
- Từ 2007-2012: Giám đốc Công ty TM - Du Lịch Lam Sơn
- Từ 2013 đến 01/2016: Giám đốc Trung Tâm Thương mại Lam Sơn - Công ty CP mía đường Lam Sơn; Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư các doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thương Mại Lam Hà.
- Từ 10/2016 – 11/2018: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Nông Cống
- Từ 10/2019 – 10/2021: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 11/2021 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn;



BÀ LÊ THỊ HUỆ

Ủy viên thường trực Hội đồng quản trị
Sinh ngày: 28/8/1971

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1993 - 2003: Nhân viên phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 2003 – 2006: Phó phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 2011 – 2013: TV ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán Tiger Fund
- Từ 2006 – 2016: Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 01/2016 – 2018: Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn; Ủy viên HĐQT Công ty CP mía đường Nông Cống
- Từ 01/2019 - 10/2021: Trưởng ban kiểm toán nội bộ
- Từ 11/2021 đến nay: Thành viên Thường trực Hội đồng quản trị



ÔNG PHÙNG THANH HẢI

Thành viên Hội đồng quản trị
Sinh ngày: 22/11/1966

Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 10/1986 - 6/1996: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 7/1996 – 2/2017: Kế toán trưởng Hiệp hội mía đường Lam Sơn
- Từ 7/2003 - 4/2011: Kiểm soát viên - Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn nhiệm kỳ II và III.
- Từ 12/2014 – 1/2019: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn.
- Từ 6/2014 đến nay: Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.



ÔNG NGUYỄN THANH TÂN

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Sinh ngày: 15/10/1975

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Marketing

Quá trình công tác:

- Từ 1998 – 2005:
- Từ 2005 – 2007:
- Từ 2008 – 2012:
- Từ 2012 – 2021:

Giám đốc Marketing – Công ty cổ phần tập đoàn Thái Tuấn
Giám đốc điều hành – Công ty tư vấn BrainMark Việt Nam
Phó Tổng giám đốc kinh doanh – Công ty cổ phần phát triển BĐS Phát Đạt
Hiện nay ông Tân đang giữ các chức vụ tại các tổ chức khác như: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần quốc tế BMG; Giám đốc chiến lược Công ty BrainMark Consulting; Viện trưởng Viện quản trị quốc tế; Chủ tịch ủy ban tư vấn phát triển doanh nghiệp; Chủ tịch CLB giảng viên Doanh nhân.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG LÊ VĂN PHƯƠNG

Tổng giám đốc
Sinh ngày: 05/11/1977

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 01/1999-01/2005:
- Từ 02/2005-10/2007:
- Từ 11/2007-08/2009:
- Từ 09/2009 - 05/2014:
- Từ 06/2014 - 09/2019:
- Từ 01/2020-10/2021:
- Từ tháng 11/2021 đến nay:

Nhân viên phòng kiểm soát chất lượng và môi trường
Nhân viên phòng Công nghệ thông tin
Trưởng phòng kiểm soát chất lượng và môi trường
Trưởng phòng Công nghệ thông tin
Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn
Ban dự án - Công ty CP mía đường Lam Sơn
Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn



ÔNG LÊ VĂN QUANG

Phó Tổng giám đốc
Sinh ngày: 02/06/1979

Trình độ chuyên môn: - Cử nhân kế toán
- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2001 - 2005:
- Từ 2006 - T4/2011:
- Từ 2009 – 2011:
- Từ T4/2011 - T10/2016:
- Từ năm 2014 đến nay:
- Từ T10/2016 đến nay:

Nhân viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP mía đường Lam Sơn
Kiểm soát viên - Ban kiểm soát – Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn.
Thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Sơn La
Trưởng Ban kiểm soát – Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Thành viên HĐQT công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
Phó TGĐ thường trực phụ trách nội vụ và kinh doanh.



ÔNG LÊ BÁ CHIẾU

Phó Tổng giám đốc
Sinh ngày: 10/04/1976

Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 12/10/1998-24/8/2001:
- Từ 25/8/2001-16/9/2003:
- Từ 17/9/2003 – 23/12/2003:
- Từ 24/12/2003- 15/5/2009:
- Từ 16/5/2009- 21/11/2009:
- Từ 22/11/2009- 28/2/2011:
- Từ 1/3/2011 - 29/5/2014:
- Từ 30/5/2014-04/2016:
- Từ tháng 04/2016 – 10/2018:
- Từ tháng 11/2018 - 04/2019:
- Từ 05/2019 đến nay:

Nhân viên Phòng Nguyên liệu.
Nhân viên kế toán - Xí nghiệp sản phẩm mới.
Nhân viên XN nguyên liệu và Dịch vụ Vận tải
Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư.
Cán bộ trưởng Cao đẳng nghề Lam Kinh
Phó phòng Nguyên liệu Công ty CPMĐ Lam Sơn.
Giám đốc Công ty CPĐTPT Lam Sơn - Bá Thước.
Phó tổng giám đốc phụ trách Nguyên liệu - Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Công ty TNHH Trung tâm nghiên cứu và phát triển Nông nghiệp CNC Lam sơn.
Phó Tổng giám đốc - Phụ trách Ban kinh tế hợp tác chương trình liên kết Hợp tác xã kiểu mới- Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
Phó Tổng giám đốc; Thường trực Ban vận động thành lập Hiệp hội tre luồng Thanh Hóa



ÔNG NGUYỄN DUY THÀNH

Phó Tổng giám đốc
Sinh ngày: 01/05/1968

Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 10/1992 đến 09/1994: Công ty thuốc lá Thanh Hoá.
- Từ 10/1994 đến 08/2000: Kỹ sư cơ khí, Công ty đường Lam Sơn
- Từ 09/2000 đến 07/2006: Kỹ sư cơ khí, phó Giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 08/2006 đến 04/2011: Kỹ sư cơ khí, Giám đốc Nhà máy đường số 1, Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 05/2011 đến 04/2014: Ban dự án nâng cấp Nhà máy đường 2, Phụ trách bộ phận cơ khí, Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 05/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn



ÔNG NGUYỄN XUÂN LAM

Phó Tổng giám đốc
Sinh ngày: 29/09/1974

Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư Điện - Tự động hóa

Quá trình công tác:

- Từ 9/1991 - 9/1992: Kỹ thuật công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 10/1992 - 12/1995: Cử đi học tại trường ĐH Bách khoa Hà Nội
- Từ 01/1996 - 06/2003: Kỹ sư công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 07/2003 - 05/2013: Phó phòng kỹ thuật
- Từ 06/2014 - 11/2019: Trưởng phòng kỹ thuật
- Từ 12/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty CP mía đường Lam Sơn



ÔNG PHẠM NGỌC QUÝ

Phó Tổng giám đốc
Sinh ngày: 17/01/1979

Trình độ chuyên môn: - Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 01/2003 - 08/2006: Chuyên viên công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 09/2006 - 05/2014: Phó chánh văn phòng HĐQT
- Từ 06/2014 - 12/2014: Trưởng phòng Tổ chức hành chính
- Từ 01/2015 - 11/2019: Trưởng phòng kế hoạch
- Từ 12/2019 - 09/2022: Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Lam Sơn

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



ÔNG LÊ HUY HÙNG

Trưởng Ban kiểm soát
Sinh ngày: 08/12/1981

Trình độ chuyên môn: - Cử nhân kinh tế - Tài chính

Quá trình công tác:

- Từ 04/2005 - 12/2014: Kế toán viên Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 01/2015 - 04/2015: Kế toán trưởng Công ty cổ phần phân bón Lam Sơn
- Từ 05/2015 - 12/2018: Phó trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 01/2019 - 10/2021: Phó Ban kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 11/2021 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn

GIỚI THIỆU KẾ TOÁN TRƯỞNG



BÀ ĐỖ THỊ THANH HÀ
Kế toán trưởng
Sinh ngày: 10/10/1982

Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 01/2005 - 06/2011: Nhân viên phòng TCKT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 06/2011 - 10/2016: Phó phòng tài chính kế toán
- Từ 10/2016 - 12/2018: Trưởng BKS Công ty CP mía đường Lam Sơn
Trưởng BKS Công ty CP mía đường Nông Cống
- Từ 01/2019 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tài chính kế toán công ty CP mía đường Lam Sơn

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

I. Các thay đổi về nhân sự trong nhiệm kỳ:

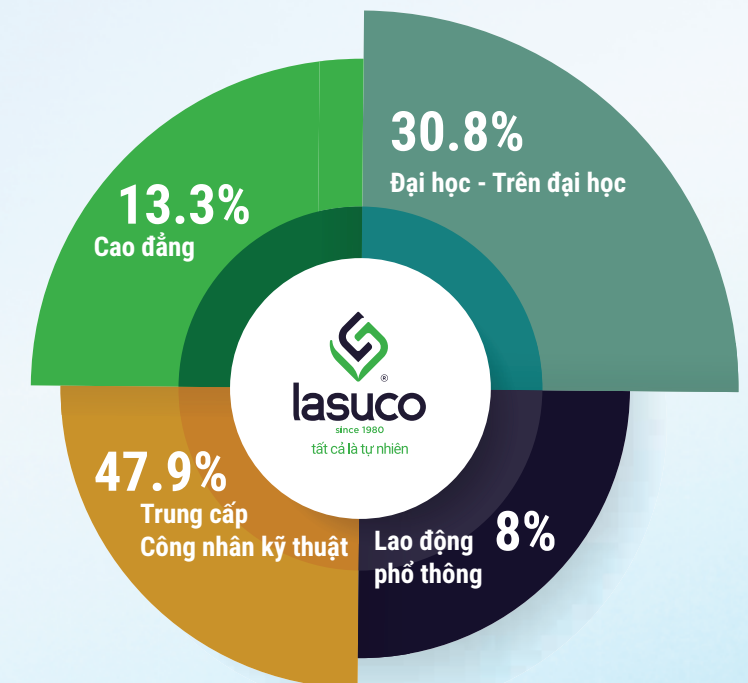
1. Ông Lê Văn Tân được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT, thay thế ông Lê Văn Tam
2. Ông Lê Trung Thành được bầu giữ chức Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Lê Thị Huệ được bầu giữ chức uỷ viên thường trực HĐQT
4. Ông Lê Văn Phương được bầu giữ chức Tổng Giám đốc, thay thế ông Lê Văn Tân
5. Ông Lê Huy Hùng được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC NHÂN SỰ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Trình độ CBCNV

Năm tài chính 2021/2022, tổng số lao động toàn công ty có 624 người, giảm 30 người so với năm 2020/2021. Trong đó lao động đại học trở lên là 192 người, chiếm 30,8%; Lao động cao đẳng 83 người chiếm 13,3%; Lao động trung cấp, công nhân kỹ thuật 299 người, chiếm 47,9%; lao động phổ thông 50 người, chiếm 8%.

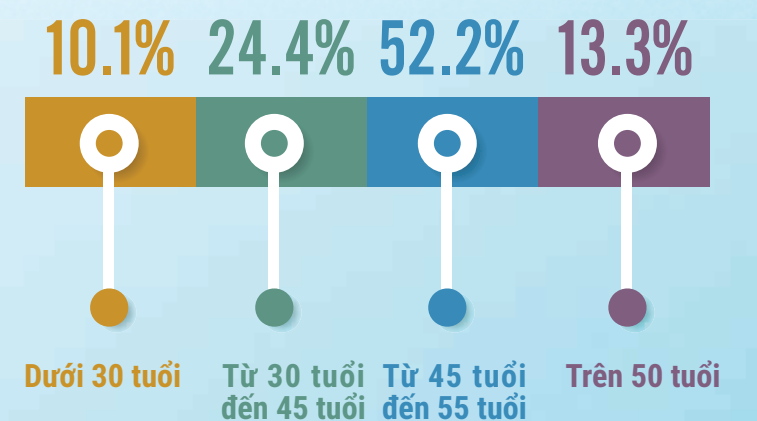
Cơ cấu lao động theo độ tuổi: 63 lao động dưới 30 tuổi; chiếm 10,1%; 152 lao động có độ tuổi từ 30-40; chiếm 24,4%; 326 lao động có độ tuổi từ 40-50 chiếm 52,2%; 84 lao động trên 50 tuổi chiếm 13,3%.



2. Những cải tiến về chính sách đối với người lao động

Nửa đầu năm 2021/2022, Đại dịch Covid-19 tiếp tục tác động rất lớn đến các hoạt động thương mại và đầu tư của các nước trên thế giới. Giãn cách xã hội gây ra suy giảm giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, kèm theo đó là thu nhập giảm, các chỉ tiêu SXKD và hoạt động xuất, nhập khẩu bị đình trệ. Trước tình hình đó, công ty vẫn luôn nỗ lực ổn định tình hình sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ chính sách giảm mức đóng BHXH, hỗ trợ người lao động nhận được các gói hỗ trợ của Nhà nước; Thực hiện chi hỗ trợ cho lao động bị mắc covid từ quỹ phúc lợi Công ty.

Những tháng cuối năm, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có nhiều khởi sắc, các chỉ tiêu KPIs kế hoạch dần tiến về đích, Năm thứ 2 triển khai cơ chế thưởng KPIs, công ty đã quyết liệt giao KPIs đến các tổ đội sản xuất từ đó phát huy tối đa năng lực, tạo động lực để phát triển nguồn nhân lực. Nhằm tăng sự đồng bộ trong việc triển khai cơ chế khen thưởng, công ty đã kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khoa học công nghệ ..., làm cơ sở, đầu mối phát động thực hiện các phong trào thi đua sản xuất, lao động sáng tạo sâu rộng, lan toả tinh thần làm việc hăng



Biểu đồ cơ cấu lao động theo độ tuổi

say đến toàn thể cán bộ công nhân viên.

Năm 2021/2022, công ty triển khai thực hiện nhiều dự án đối với các nhà máy sản xuất nhằm nâng cao năng suất và hiệu suất sử dụng lao động: Dự án nâng cấp nhà máy Đường phèn; Dự án nước mía cô đặc, ...qua đó để tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, nâng cao hiệu suất lao động, dần khắc phục triệt để tình trạng thiếu việc làm của người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động tăng lên 9.700.000 đồng/người/tháng. Số lượng các đơn vị đạt thưởng KPIs cũng nhiều hơn so với năm 2020/2021.

Công ty thực hiện kiện toàn các hội đồng an toàn vệ sinh lao động công ty, chú trọng công tác cải thiện nơi làm việc đạt tiêu chuẩn về không gian, độ thoáng, độ sáng, bụi, hơi, nóng, ẩm, ồn, rung và các yếu tố có hại khác. Công ty định kỳ kiểm tra đo lường, có bảng chỉ dẫn về an toàn lao động, vệ sinh lao động đặt ở vị trí mà mọi người dễ thấy, dễ đọc. Người lao động được trang bị phương tiện kỹ thuật, trang bị bảo hộ lao động đúng tiêu chuẩn.

Cũng trong năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động đặc biệt được chú trọng: khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với lao động bình thường, 2 lần/năm đối với lao động làm nghề NNĐH, 100% cán bộ được tiêm chủng vaccine. Tháng 6/2022, công ty đã triển khai chương trình cho cán bộ công nhân viên được đi tham quan du lịch, vừa đem lại niềm vui, tạo điều kiện giao lưu gắn kết nhân viên, đồng thời tái tạo sức lao động, chuẩn bị cho một vụ mới đầy nhiệt huyết.

Với tất cả những nguồn dinh dưỡng tốt lành mà sữa gạo lứt giàu protein Ojita mang lại, người tiêu dùng hoàn toàn tin tưởng lựa chọn Ojita là "người bạn đồng hành" để bổ sung thêm nguồn năng lượng và giúp cơ thể vui khỏe mỗi ngày.



Sữa gạo lứt giàu protein Ojita
Thanh mát, tự nhiên – Cân bằng cuộc sống

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH LAM SƠN – SAO VÀNG

Thành lập theo GCN đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có hai thành viên trở lên số 2800786957, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 20.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LAM SƠN – BÁ THƯỚC

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần ngày 18/02/2011, mã số doanh nghiệp là 2801664422 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 07/10/2022

Trụ sở chính: Phố 3 - Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp: 13.500.000.000 đồng (Mười ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco: 13.500.000.000 đồng, chiếm 100% vốn thực góp

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía, cây có lấy củ có chất bột, cây có hạt, quả chứa dầu, cây hàng năm, cây lâu năm, cây ăn quả, cây lâu năm khác
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, thực phẩm,
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp, Chế biến và bảo quản rau quả, Xay xát và sản xuất bột thô
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép, ván mỏng khác, Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi, thạch cao
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, sản phẩm khác bằng gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện
- Chăn nuôi gia cầm, hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch, Xử lý hạt giống để nhân giống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ



CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM CNC TÂM PHÚ HƯNG

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801751192 ngày 09/12/2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp QL – 45, thị trấn Thiệu Hóa – huyện Thiệu Hóa – tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 75.737.621.024 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 75.737.621.024 đồng (Bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Chăn nuôi trâu bò, lợn, gia cầm và chăn nuôi khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống, trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác gỗ, khai thác lâm sản, trừ gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, rau quả.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XNK LAM SƠN

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802449548 ngày 20/03/2017 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

Trụ sở chính: TT. Lam Sơn - H. Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng (Hai sáu tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp của Lasuco: 9.862.396.042 đồng (Chín tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng)

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán buôn thực phẩm, chế biến và bảo quản rau quả; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Bán buôn gạo, bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn đồ uống.



CÔNG TY TNHH NN CNC MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2802243177 ngày 23/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Thay đổi lần 3 ngày 13/04/2022

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 139.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 139.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
- Trồng cây mía
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác
- Trồng cây ăn quả
- Trồng cây lâu năm khác
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, dịch vụ sau thu hoạch
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu
- Xử lý hạt giống để nhân giống, chế biến và bảo quản rau quả
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.



CÔNG TY TNHH THÀNH AN – LAM SƠN

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2801078996 ngày 22/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp; Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày ngày 07/06/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp

Trụ sở chính: Xã Thọ Xương - H. Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn)

Góp vốn của Lasuco theo mệnh giá: 1.800.000.000 đ, chiếm 100% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh xăng dầu
- Chế biến kinh doanh hàng lâm sản, trang trí nội thất
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- Vận tải hành khách bằng xe bus, xe taxi, vận tải khách du lịch.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng
- Dịch vụ cơ khí, sửa chữa ô tô, kinh doanh phụ tùng ô tô xe máy
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, thể thao giải trí.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN LAM SƠN

Được thành lập theo GCN đăng ký kinh doanh số 2603000123, đăng ký lần đầu ngày 24/12/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp. Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 9 ngày 26/08/2021 với mã số doanh nghiệp là 2800783723.

Trụ sở chính: Thôn Đá Dựng, Xã Xuân Phú, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng)

Góp vốn của Lasuco: 13.950.000.000 đ; chiếm 43,59% vốn điều lệ của Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại.
- San lấp mặt bằng.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi.
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.
- Xử lý hạt giống để nhân giống.



CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VIỆT NAM – THỤY ĐIỂN

Thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 ngày 20/09/2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp và chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 22/02/2011.

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - Tp Hà Nội

Vốn điều lệ: 56.005.000.000 đồng (Năm sáu tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng)

Góp vốn của Lasuco: 21.500.000.000 đ; chiếm 30,71% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

I. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2022/2023

Kết quả SXKD niên độ 2021/2022 tuy cao hơn cùng kỳ tuy nhiên vẫn chỉ đạt 80% so với KH đề ra. Dự báo niên độ 2022/2023 ngành mía đường Việt Nam vẫn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp, bên cạnh đó nguyên liệu mía không có khả năng tăng; Vì thế Ban điều hành đã xây dựng kế hoạch cho niên độ 2022/2023 như sau:

1- Mục tiêu:

- Doanh thu:	2.166,2 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	60 tỷ
- Mía nguyên liệu:	450.000 tấn
- Đường đưa vào chế luyện:	28.500 tấn
- Đường nhập kho:	78.100 tấn
- Đường phèn sản xuất	12.000 tấn
- Đường thương mại:	5.000 tấn
- Sữa gạo OJITA:	15.904.400 hộp 180ml
- Sữa gạo hương đậu đỏ:	13.162.000 hộp 180 ml
- Nước mía tắc – MIATA:	3.430.000 hộp 320ml
- Sản phẩm mới 110ml:	3.372.000 hộp 110ml
- Hàng CNC:	55 tỷ
- Lúa gạo:	80 tỷ

Doanh thu thuần kế hoạch toàn công ty niên độ 2022/2023 là 2.166 tỷ bằng 106% so với thực hiện niên độ 2021/2022. Lợi nhuận trước thuế: 60 tỷ đồng bằng 1,2 lần so với thực hiện niên độ 2021/2022. Cổ tức dự kiến niên độ là 5%.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH.

1- Đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất:

- Nguồn nguyên liệu mía:

+ Sản lượng mía nguyên liệu vụ 2022/2023 đạt tối thiểu 450.000 tấn mía, chất lượng bình quân từ 9,5 CCS, Pol mía đạt 13,34 trở lên; đảm bảo mía tươi, mía sạch giảm thiểu ít nhất ảnh hưởng đến việc sản xuất trong nhà máy.

+ Tối ưu hóa giải pháp quản lý, điều hành trong công tác thu hoạch vận chuyển, tạo sự công bằng và minh bạch và củng cố lòng tin cho người trồng mía ứng dụng CNTT bản đồ GIS trong công tác quản lý vùng nguyên liệu, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng mía chạy ra ngoài vùng.

+ Xây dựng chính sách phát triển vùng nguyên liệu, hợp tác với các công ty, nông trường, ông chủ có quỹ đất lớn, tập trung khai thác vùng bãi, xây dựng chiến lược về giống, trước mắt tập trung rà soát chính xác lại diện tích mía đến từng hộ, chuẩn bị tốt cho vụ ép 2023/2024.

- **Nguồn nguyên liệu đường thô:** Theo dõi chặt chẽ chính sách của nhà nước đối với ngành đường, bám sát thị trường, đánh giá phân tích xu thế ngành đường thế giới, nghiên cứu thành lập công ty tại Lào hoặc Campuchia, chuẩn bị mọi nguồn lực tài chính, kho bãi... để nhập đường thô khi cơ hội đến.

2 - An toàn hiệu quả trong sản xuất:

- Tập trung cao cho công tác kiểm tu, sửa chữa thiết bị theo kế hoạch đã được phê duyệt, yêu cầu sản xuất ổn định, không sự cố thiết bị, chuẩn bị các điều kiện bất cứ khi nào có đường thô sẽ đưa vào chế luyện ngay từ đầu vụ

- Kiểm soát chặt các chi phí để đảm bảo giá thành: Tiết giảm sử dụng vật tư, hóa chất, năng lượng tăng tối đa hiệu quả sản xuất, giảm giá thành. Tiếp tục thực hiện cơ chế mua bán chỉ tiêu nội bộ gắn trách nhiệm với tiền lương, tiền thưởng của cá nhân và đơn vị....linh hoạt điều chỉnh cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường

3 - Thúc đẩy quyết liệt mở rộng và phát triển thị trường:

- Đối với ngành đường:

+ **Bán buôn:** Tập trung vào khách hàng, đối tác là những đơn vị tiêu thụ trực tiếp, duy trì cung cấp cho các khách hàng lớn như Vinamilk, URC, Pepsi, Cocacola, Tân hiệp phát, các công ty bánh kẹo, nuôi ong công nghiệp....

+ **Bán lẻ:** Tiếp tục củng cố và phát triển đội ngũ nhân sự bán hàng để tăng thị phần đảm bảo sản lượng 20.000 tấn cho niên độ 2022/2023, tập trung vào các kênh bán hàng GT và kênh MT, áp dụng công nghệ thông tin triệt để để quản lý và giám sát bán hàng;

- **Đối với ngành đồ uống:** Tập trung cao xây dựng, duy trì và phát triển vững chắc hệ thống tiêu thụ và phân phối các sản phẩm mới là đồ uống các loại. Đẩy mạnh công tác thị trường và đưa tối đa các sản phẩm, đồ uống ra thị trường để tạo doanh thu, giảm chi phí bán hàng, thu hồi nguồn vốn và phát huy hết công suất thiết bị các nhà máy hiện có.

- Tổ chức hoạt động tại tổ hợp siêu thị Xanh Lam Sơn hiện hoạt động không hiệu quả.

4 - Đổi mới công tác quản trị, quản lý điều hành:

- Phân cấp phân quyền triệt để cho người phụ trách và người đứng đầu các đơn vị, đặc biệt là các phó Tổng giám đốc phụ trách, giám sát, thúc đẩy, hỗ trợ để hoàn thành kế hoạch SXKD niên độ 2022/2023 toàn công ty đã được phê duyệt.

- Hoàn thiện đánh giá hiệu quả công việc bằng KPI sát với thực tế từ mục tiêu Công ty đến mục tiêu đơn vị và mục tiêu cá nhân. Xây dựng Phương án đổi mới công tác tổ chức, bộ máy và văn hóa doanh nghiệp để thu hút, tuyển chọn và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nguồn lực cho các lĩnh vực, ngành nghề mới.

- Áp dụng triệt để phần mềm ORACLE NETSUITE CLOUD và các ứng dụng CNTT vào trong hoạt động của công ty theo định hướng, chủ trương đã được phê duyệt.

- Giao quyền tự chủ, tăng cường hỗ trợ giám sát các công ty con và Công ty thành viên từ lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch. Trên cơ sở phân công các thành viên Ban điều hành chuyên trách phụ trách từng Công ty con và đơn vị liên quan, có báo cáo giám sát hàng tháng/quý cùng các phòng ban chức năng và Ban KS. Niên độ mới đảm bảo tuyệt đối không có đơn vị nào SXKD thua lỗ.

- Xây dựng chiến lược nhân sự cho toàn công ty giai đoạn 2021-2026.

5 - Quản lý lại nguồn lực đất đai, tập trung cao cho các Dự án:

- Rà soát lại toàn bộ nguồn lực đất đai hiện có, đất khu văn phòng, đất công ty công nghệ cao, nhà máy cồn, dự án công viên, đất Đường Hồ Chí Minh, đất khu trung tâm thương mại, khu văn hóa thể thao và các khu đất khác của công ty đang quản lý.... để hoàn thiện các thủ tục pháp lý, để khai thác hiệu quả nguồn lực này.

- Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam: Hoàn thành các thủ tục pháp lý của dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy phép Tượng Vua, đặc biệt là thủ tục về đất và các thủ tục pháp lý khác của dự án.

NHẬN ĐỊNH RỦI RO

1. Rủi ro về nguyên liệu và vùng nguyên liệu

- Rủi ro về thời tiết, khí hậu:

Nguyên liệu mía bị ảnh hưởng nhiều bởi các nguyên nhân chính là thời tiết. Biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, nhiệt độ tăng dần, hạn hán, lũ lụt phức tạp và xảy ra mới cường độ ngày càng tăng ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất, chất lượng mía. Đối với Lasuco vùng mía vẫn chiếm 70% đất đồi nên hạn hán nếu xảy ra rủi ro thiệt hại không nhỏ. Sự cạnh tranh diện tích giữa cây mía với các loại cây trồng khác ngày càng gay gắt.



- Rủi ro về chính sách của nhà nước về đất đai giảm diện tích vùng nguyên liệu:

Quy hoạch cây trồng khác chồng quy hoạch vùng mía đường, bên cạnh đó quy hoạch đô thị trên vùng mía đường Lam Sơn cũng làm giảm dần diện tích trồng mía; Các dự án mới của Lasuco đã và đang triển khai cũng gắn với đất đai, yếu tố quyết định nguyên liệu vì vậy rủi ro chính sách đất đai là rất lớn.

Việc thu mua, vận chuyển mía, nông sản... và các phế liệu từ nông nghiệp cho sản xuất có rủi ro cao trong lưu thông do hàng cồng kềnh, chi phí vận chuyển quá lớn, nguy cơ tăng chi phí SXKD.

Vùng nguyên liệu của Lasuco có tới 70% diện tích là mía đồi, manh mún, nhỏ lẻ khó áp dụng cơ giới hóa đồng bộ. Nguy cơ thiếu nhân công là rất lớn và chi phí nhân công tăng cao. Mặc dù Công ty đã có kế hoạch đưa mía xuống đất thấp nhưng phải triển khai dần trong nhiều năm. Bên cạnh đó nguồn nhân lực của Lasuco để đáp ứng cho các chương trình dự án mới đang là thách thức do đây là ngành mới, yêu cầu cao là điều kiện tiên quyết để đảm bảo triển khai các dự án thành công.

Trong năm HĐQT, BĐH đã có nhiều buổi họp tổng kết với các Huyện, các xã vùng mía, tháo gỡ khó khăn cho người trồng mía, ổn định, duy trì và phát triển vùng nguyên liệu mía.

2. Rủi ro về thị trường:

Theo cam kết tại Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), từ ngày 1/1/2020, Việt Nam xóa bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường đối với các nước ASEAN. Mức thuế suất nhập khẩu đường từ ASEAN vào Việt Nam là 0%. Sau ATIGA đường nhập khẩu tăng mạnh tạo áp lực lớn cho ngành mía đường Việt Nam. Cùng với ảnh hưởng của dịch Covid-19 và tình trạng buôn lậu đường qua biên giới nên thời gian qua ngành mía đường gặp rất nhiều thách thức.



Ngày 16/06/2021 Nhà nước đã có quyết định về áp thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với đường từ Thái Lan với mức thuế 33,88%. Từ 16/06/2021 là 47,64%. Cùng với sự diễn biến phức tạp, khó lường của dịch bệnh Covid19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngành trong nước.

Trước tình hình biến động, Công ty đã có sự chuẩn bị thích ứng kịp thời. Cơ hội cho LASUCO nhập khẩu đường thô đưa vào luyện đảm bảo tăng trưởng ổn định ngành mía đường. Chuyển đổi sản phẩm có ưu thế: Thực phẩm đồ uống (nước dinh dưỡng tế bào mía, Sữa gạo), chế biến nông sản (lúa gạo). Đối mới trong quản trị điều hành doanh nghiệp triển khai ERP toàn tập đoàn. Với sự chuyển đổi căn bản của Công

ty, cơ cấu theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm nhằm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng cường quản trị điều hành, tăng cường khả năng cạnh tranh với thị trường trong khu vực đảm bảo ổn định, tăng trưởng.

3. Rủi ro ảnh hưởng nền kinh tế thế giới:

Đại dịch Covid-19 và các tác động đến sức khỏe của nó sẽ tiếp tục gây áp lực lên các hệ thống y tế trên toàn cầu, làm gia tăng bất bình đẳng về sức khỏe giữa và trong các quốc gia, tạo ra mâu thuẫn xã hội và làm giảm tiềm năng tăng trưởng kinh tế trong dài hạn đối với các Doanh nghiệp nói chung và LASUCO nói riêng. Sức mua giảm nên vẫn rủi ro về việc tiêu thụ sản phẩm.

Cuộc khủng hoảng chính trị giữa Nga và Ukraine leo thang đúng thời điểm kinh tế toàn cầu đang phục hồi sau đại dịch, do đó có thể gây ra "những rủi ro đáng kể" đối với thế giới cũng như trong nước.

Một rủi ro khác mà doanh nghiệp đang phải đối mặt đó là vấn đề lạm phát và rủi ro trong chính sách tiền tệ. Đặc biệt trong lĩnh vực nhập khẩu do giá xăng dầu và chi phí vận tải tăng.



4. Rủi ro về pháp lý:

Công ty điều hành hoạt động SXKD dựa trên sự tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành. Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán yêu cầu công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động SXKD.

5. Rủi ro về tài chính:

Liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ; kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy; chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ở lĩnh vực mà Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh.

6. Ngoài ra còn ảnh hưởng rủi ro về tỷ giá trong hoạt động nhập khẩu; rủi ro về lãi suất tiền vay



CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Những dấu ấn tiêu biểu của Lasuco năm 2022
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Tình hình đầu tư - thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

NHỮNG DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA LASUCO NĂM 2022

01

Ngày 06/11/2021: Công ty CP Mía đường Lam Sơn (Lasuco) đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên độ tài chính 2021-2022.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021-2022 đã bầu HĐQT, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.



02

Sau 5 năm có mặt và phục vụ nhu cầu của thị trường, Nhà máy đường Organic đã được nâng cao, đưa công suất từ 30 tấn/ngày lên 50 tấn/ngày phục vụ nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.



03

Hoạt động thi đua lao động sáng tạo không ngừng được phát huy và nhân rộng; đã có 09 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, hiệu quả, tiết giảm chi phí được Hội đồng thi đua khen thưởng đề nghị Liên đoàn lao động Tỉnh công nhận và cấp bằng lao động sáng tạo.



Đặc biệt có 1 công trình sáng tạo kỹ thuật đã đạt giải nhất tại Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc, do Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật và quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật VIFOTEC trao tặng năm 2022.

04

Trong điều kiện thị trường tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19, LASUCO đã nỗ lực ra mắt thêm 03 dòng sản phẩm mới: Sữa gạo lứt giàu protein Ojita đậu đỏ; Nước mía tươi MiATA vị tắc, Nước cam ép Lavina Fresh, đã và đang được người tiêu dùng đón nhận tích cực.



05

Sản phẩm Lavina lần đầu tiên tự tin xuất hiện trên thị trường Quốc tế, đặc biệt đã có mặt tại thị trường khó tính Nhật Bản; Tạo tiền đề vững chắc cho hoạt động xây dựng và phát triển thị trường đồ uống trong tương lai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các chỉ tiêu chính tập đoàn niên độ 2021 - 2022

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH so với KH	
				Giá trị	% KH
1	Doanh thu thuần	2.600.000	2.041.008	(558.992)	78,5
2	Lợi nhuận trước thuế	99.600	49.938	(49.662)	50,1
3	Lợi nhuận sau thuế		44.673		

Niên độ 2021/2022 vẫn tiếp tục là năm khó khăn đối với Ngành mía đường bởi hậu quả của đại dịch COVID; chính sách nhà nước đối với ngành không ổn định; thách thức từ nguồn cung nguyên liệu mía; các sản phẩm mới chưa bao phủ thị trường; một số dự án bị tác động lớn bởi chính sách đất đai của Nhà nước... Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến việc hoàn thành kế hoạch và chiến lược phát triển chung của LASUCO.

Trước những khó khăn trên, với HĐQT nhiệm kỳ mới, giàu nhiệt huyết, với tầm nhìn từ trước, và được chỉ bảo từ Chủ tịch tiền nhiệm, HĐQT đã chỉ đạo sát sao, kịp thời cùng Ban điều hành và sự nỗ lực của các đơn vị, bước đầu LASUCO đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

1 - Doanh thu:

Doanh thu hợp nhất ghi nhận 2.041 tỷ đồng; đạt gần 80% kế hoạch năm. (Trong đó ngành đường 1.875 tỷ; đồ uống 34 tỷ; CNC 37,2 tỷ và Tâm Phú Hưng 58,8 tỷ; doanh thu khác đạt 35 tỷ; Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 49,9 tỷ đồng.

2 - Kết quả sản xuất vụ mía đường 2021/2022 như sau:

Sản lượng mía nguyên liệu là: 420.000 tấn bằng 119% vụ 2020/2021, đạt 90% KH năm 2021/2022; Tổng đường đưa vào chế luyện đạt gần 10.000 tấn các loại bằng 20% so với niên vụ trước (trong đó có hơn 9.000 tấn đường vàng nhập khẩu từ Lào); Tổng đường sản xuất đạt: 55.000 tấn; Tổng điện phát: 30.000.000 kW bằng 83,2% so với KH và bằng 106% so với vụ trước.

3 - Nhà máy đường phèn:

Sản lượng đường phèn sản xuất 8.500 tấn; bằng 152% so với cùng kỳ năm ngoái và tương đương 91% kế hoạch năm. Hiệu suất thu hồi đường phèn đạt cao hơn so với kế hoạch đặt ra 1,1%. Các chi phí chế biến đường phèn cơ bản được kiểm soát tốt, tổng chi phí chế biến chỉ bằng 97% kế hoạch giao, chủ yếu giảm từ chi phí điện, vỏ cây, nước....

4 - Nhà máy Lavina Food:

Sữa gạo OJITA sản xuất đạt: 3.900.000 hộp 180ml đạt 43% KH; Sữa gạo OJITA đậu đỏ sản xuất đạt: 950.000 hộp 180ml đạt 59% KH; Miata 500.000 lon 320 ml bằng 20% kế hoạch; Nước cam Lavina Fresh gia công đạt: 200.000 lon đạt 100% KH.

5 - Tổng đường tiêu thụ:

Đạt trên 105.000 tấn đường các loại; Giá bán bình quân bằng 120% so với cùng kỳ.

Các khoản đầu tư lớn trước ngày 30/06/2022

ĐVT: đồng

STT	STT	Tổng mức đầu tư	Đã giải ngân đến 30/06/2022
1	Dự án Công viên sinh thái Tre, Luồng Thanh Tam	300.000.000.000	237.936.811.018
2	Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao sản xuất tre ép khối công nghiệp	60.000.000.000	937.030.345
3	Giải phóng mặt bằng khu Nông nghiệp CNC Lam Sơn		30.366.333.204
4	Dự án trung tâm chế biến nông sản TP CNC Lam Sơn	131.000.000.000	13.392.162.207
5	Dự án nhà máy chế biến nước mía đóng hộp công suất 100 triệu hộp/năm		47.135.141.925
Tổng cộng		491.000.000.000	329.767.578.699

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ ngày (01/07/2021 - 30/06/2022)	Từ ngày (01/07/2020 - 30/06/2021)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.558.489	2.518.196	1,60
Doanh thu thuần	2.041.008	1.846.470	10,54
Lợi nhuận từ HĐKD	53.635	29.893	79,42
Lợi nhuận khác	(3.697)	(1.809)	(104,37)
Lợi nhuận trước thuế	49.938	28.084	77,82
Lợi nhuận sau thuế	44.673	22.853	95,48

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu		Từ ngày (01/07/2021 - 30/06/2022)	Từ ngày (01/07/2020 - 30/06/2021)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,77	2,61
+ Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,06	0,04
+ Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,17	1
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,08	38,31
+ Hệ số Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	62,78	61,69
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,19	1,24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,75	0,91
+ Hệ số Lợi nhuận trước thuế /Doanh thu thuần	%	2,45	1,52

Ojita là bước đi sáng tạo của Lavina Food trong việc sản xuất các sản phẩm

Nông nghiệp Công nghệ cao an toàn, bổ dưỡng, hướng đến sức khỏe cộng đồng.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. (vụ ép 2021-2022)

- Tổng mía: 412.356,577 tấn
- Tổng bã: 106.167,87 tấn
- Tổng tro, bùn: 20.616,87 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Bã mía 100% dùng để tái chế làm nguồn nguyên liệu đốt lò hơi, cấp hơi và phát điện phục vụ sản xuất, ngoài ra còn cấp điện hòa lưới quốc gia.
- Tro bùn tái chế 100% làm sản phẩm phân bón cung cấp cho vùng nguyên liệu.
- Nước thải các nhà máy đã xử lý đạt tiêu chuẩn Việt Nam và tái sử dụng 40-50% lưu lượng xả thải bơm quay lại phục vụ làm mát thiết bị.

2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp là sử dụng nguồn điện tự phát.
- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp là sử dụng nguồn điện lưới quốc gia.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Dự án đồng phát nhiệt điện CDM Công ty đã tiết kiệm được nguồn bã mía để sử dụng đốt lò phát điện hòa vào mạng lưới điện quốc gia.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo);

- Báo cáo sáng kiến dự án đồng phát nhiệt điện CDM: Đã góp phần giải quyết vấn đề môi trường ngành công nghiệp mía đường, vừa tận dụng được chất thải sản xuất điện năng phục vụ sản xuất, vừa góp phần cung cấp cho điện năng lưới điện quốc gia.

- Kết quả của dự án đồng phát nhiệt điện:

- + Đã giải quyết được vấn đề dư thừa bã trong sản xuất, không làm ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (than đá, dầu). Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí.
- + Giảm được chi phí xử lý chất thải, giảm thiểu chi phí điện năng cho sản xuất, thu lợi nhuận từ việc bán điện; chủ động được nguồn năng lượng, hạn chế tác động do việc mất điện, ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty.



+ Người dân không còn phàn nàn về tình trạng ô nhiễm môi trường do tác động của chất thải rắn, khí thải trong sản xuất

3. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn nước cung cấp cho sản xuất được sử dụng từ nguồn nước sông từ Kênh Nông Giang của hệ thống sông Chu, bằng hình thức tự bơm.
- Lưu lượng nước sử dụng (tính cho vụ ép trong năm 2021/2022): 550.000 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

- Tổng lượng nước tái chế và sử dụng làm mát thiết bị: 150.000m³

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Trong năm 2021-2022 Công ty không vi phạm về luật bảo vệ môi trường, luôn tuân thủ các quy định và quy chế về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không bị xử phạt về lĩnh vực môi trường

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải).

1. Đánh giá các chỉ tiêu về tiêu thụ nước:

- Thực hiện giấy phép khai thác nước mặt số 149/GP-UBND:
- Thực hiện đúng mục đích, nguồn nước, vị trí công trình, lượng nước, phương thức khai thác – sử dụng.
- Bảo vệ nguồn nước khai thác, bảo vệ vệ sinh khu vực, khai thác trong giới hạn cho phép, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.
- Công ty thủy nông sông Chu lắp đặt hệ thống đo lưu lượng và tính toán chốt công tơ theo hàng quý đối với Công ty và Công ty trả tiền nước sử dụng.
- Mục đích khai thác: Sử dụng vào sản xuất, tưới mía giống.
- Nguồn nước khai thác, sử dụng: Sông Nông Giang thuộc hệ thống Thủy nông sông Chu.
- Lượng nước sử dụng:
 - + Nước khai thác, sử dụng lớn nhất trong ngày đối với ngày sản xuất: 3.500m³/ngày.
 - + Lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo năm: 550.000 m³.
- Chất lượng nguồn nước: Công ty phân tích các chỉ tiêu nước mặt đạt tiêu chuẩn Việt Nam.

2. Đánh giá các chỉ tiêu môi trường về năng lượng.

- Dự án Đồng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu từ bã mía tại Công ty CP mía đường Lam Sơn. Đã làm giảm lượng phát thải khí nhà kính ước tính trong giai đoạn thực hiện 31.000 tấn CERs/năm.
- Xây dựng Dự án “Đồng phát nhiệt điện sử dụng nhiên liệu bã mía”. Việc không thải bã mía ra môi trường



sẽ hạn chế vấn đề ô nhiễm chất thải rắn, ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước. Sử dụng bã mía làm nhiệt điện góp phần hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch cho nhiệt điện (dầu, than), giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí. Tận dụng, tái sử dụng chất thải làm nguyên liệu cho ngành khác là một nguyên lý cơ bản của sản xuất sạch hơn, góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Đáp ứng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất của nhà máy và một phần cung cấp cho lưới điện quốc gia.

3. Đánh giá các chỉ tiêu về phát thải:

3.1. Về nước thải: Nước thải sản xuất các nhà máy Công ty đã phân tách thành 2 nguồn như sau:

- Nguồn nước thải có độ ô nhiễm COD ≥ 75 mg/l Công ty thu gom đưa vào hệ thống xử lý hóa lý kết hợp sinh học bao gồm các nguồn nước sau:
 - + Nước thải vệ sinh các thiết bị thùng chứa, bốc hơi, gia nhiệt, các nồi nấu, các thiết bị lắng và vệ sinh nhà xưởng. Tổng lưu lượng nước thải có độ ô nhiễm xả đi xử lý khoảng 2.000m³/ngày.
 - + Nước thải sau khi xử lý hóa lý kết hợp sinh học được lưu lại 5 hồ sinh học. Trước khi xả thải Công ty mời cơ quan nhà nước đến lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước trong hồ sinh học nếu đạt tiêu chuẩn Việt Nam mới quyết định xả thải theo quy định của pháp luật.
- Nguồn nước thải làm mát có chỉ số COD ≤ 75 mg/l gồm các nguồn thải sau:
 - + Nước tạo chân không.
 - + Nước làm mát.
 - + Nước thải ngưng tụ xử lý sơ bộ xả ra mương thoát phía nam để tưới tiêu cho nông nghiệp.

3.2. Về khí thải:

Khói lò của 03 lò hơi đốt bã mía thành phần của các lò hơi Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp tĩnh điện và xyclon hiệu quả xử lý khí thải đạt 95%

3.3. Về chất rắn:

- Thành phần rác thải sinh hoạt gồm: Lá cây, rác thải sinh hoạt. Lá cây được xử lý bằng phương pháp tự hủy. Rác thải sinh hoạt sẽ hợp đồng với công ty môi trường để xử lý.
- Chất thải rắn sản xuất: Chủ yếu tro lò, bã mía chất thải này Công ty tận dụng để làm phân bón vi sinh cho vùng mía Lam Sơn.

3.4. Về chất thải nguy hại:

Giẻ lau, bìa amiăng, gioang cao su, bóng đèn nion, dầu mỡ, chai lọ, bông thủy tinh..... công ty hợp đồng với Công ty môi trường ETC để xử lý chất thải này



CHƯƠNG 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình tài chính
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2021/2022
3. Một số tồn tại, hạn chế

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	% Tăng giảm	
			Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	991.422	879.951	111.471	12,67
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.752	33.956	13.796	40,63
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
Các khoản phải thu ngắn hạn	292.655	340.002	(47.347)	(13,93)
Hàng tồn kho	640.740	498.141	142.599	28,63
Tài sản ngắn hạn khác	10.275	7.852	2.423	30,86
Tài sản dài hạn	1.567.067	1.638.245	(71.178)	(4,34)
Tổng tài sản	2.558.489	2.518.196	40.293	1,60

2. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	% Tăng giảm	
			Giá trị	%
Nợ phải trả	923.046	964.701	(41.655)	(4,32)
Nợ ngắn hạn	847.764	886.425	(38.661)	(4,36)
Nợ dài hạn	75.282	78.276	(2.994)	(3,83)
Vốn chủ sở hữu	1.635.443	1.553.495	81.948	5,28
Vốn chủ sở hữu	1.606.317	1.529.173	77.144	5,04
Nguồn kinh phí và quỹ khác	29.126	24.322	4.804	19,75
Tổng cộng nguồn vốn	2.558.489	2.518.196	40.293	1,60

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ 2021/2022

1- Công tác nguyên liệu:

- Hoàn thành công tác thu hoạch vận chuyển mía vụ ép 2021/2022, đảm bảo an toàn hiệu quả; Trồng mới, mở rộng và chăm sóc mía vụ 2022/2023 đạt 6.500 ha mía nguyên liệu, đạt gần 80% kế hoạch giao; Trong đó mía lưu gốc 4.000 ha, trồng mới 2.500 ha, phấn đấu sản lượng tối thiểu cho vụ 2022/2023 là 450.000 tấn.

- Đã ứng dụng chuyển đổi số quản lý vùng nguyên liệu bằng hệ thống ERP và bản đồ GIS trong công tác thu hoạch, vận chuyển mía, bước đầu đem lại hiệu quả trong niên độ vừa qua.

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức làm nguyên liệu, sắp xếp lại cán bộ làm nguyên liệu, thay đổi cách tiếp cận với nông dân, giao quyền chủ động cho cán bộ địa bàn,...

- Cơ cấu lại nguồn giống, duy trì tối đa 6 loại giống, kiên quyết trồng mới bằng 100% giống hè thu, phối hợp với Viện nghiên cứu mía đường đưa một số giống mới, có chất lượng và năng suất cao như KK3, LK9211.

2 - Sản xuất đường điện:

- Hoàn thành sản xuất vụ ép 2021/2022 với hiệu suất tổng thu hồi đạt được cao nhất trong các năm gần đây.

- Phát huy tối đa cơ chế quản lý các nhà máy, đơn vị theo hình thức hoạt động độc lập, tự chủ, mua bán chỉ tiêu nội bộ và thủ trưởng của từng đơn vị là người chịu trách nhiệm đến kết quả, hiệu quả cuối cùng.

- Đã hoàn thành công tác đánh giá tình trạng thiết bị và lập phê duyệt xong kế hoạch kiểm tu, sửa chữa thiết bị, bước vào kiểm tu chuẩn bị sẵn sàng cho vụ 2022/2023 với mục tiêu hoàn thành kiểm tu trước 30/10/2022.

3 - Nhà máy Lavina Food:

- Niên độ 2021/2022 nhà máy sản xuất sản phẩm sữa, nước uống theo nhu cầu thị trường; Tổ chức đóng đường túi các loại phục vụ cho tiêu thụ sản phẩm, tổng sản lượng hơn 10.000 tấn đường 1kg và trên 1.000 tấn đường túi zip, 400g và 500g các loại, đáp ứng theo nhu cầu bán lẻ.

- Nhà máy đã phối hợp với ban điều phối dự án điều chỉnh thiết bị công nghệ dây chuyền hệ thống cô đặc và tổ chức chạy trên 300 tấn dịch cô đặc phục vụ cho sản xuất sản phẩm mới và làm hàng mẫu cho thị trường.

- Phối hợp với các đơn vị, đặc biệt là bộ phận R&D đưa ra nhiều cải tiến, nhiều ý tưởng cho sản phẩm, đa dạng chủng loại đáp ứng yêu cầu của thị trường.

4 - Nhà máy đường phèn:

Trong năm Nhà máy duy trì sản xuất ổn định đáp ứng sản lượng thị trường, cải tiến thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và chất lượng, giảm tiêu hao và chi phí trong quá trình sản xuất, tập trung sản xuất đường đa và đường đơn tinh thể xuất khẩu sang thị trường Singapor và Trung Đông.

- Ngoài ra với yêu cầu của thị trường trong giai đoạn tới nhà máy đã phối hợp với các phòng ban để báo cáo đầu tư nâng công suất nhà máy lên 50 tấn/ngày, đã triển khai nâng cấp và đưa vào hoạt động bắt đầu từ 01/09/2022.

5 - Công tác thương mại, thị trường:

- Ổn định hệ thống bán hàng, kinh doanh XNK cho ngành đường: Trong đó bao gồm nhập khẩu nguyên liệu chế luyện, kinh doanh thương mại các mặt hàng đường, tổ chức tiêu thụ sản phẩm đường do Lasuco sản xuất.

- Tiếp tục mở rộng hệ thống và đang tăng dần thị phần bán lẻ các mặt hàng đường gắn với hệ thống phân phối Lavina, đây là chiến lược quan trọng để phát triển thị trường bên cạnh việc duy trì các khách hàng công nghiệp.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống bán hàng cho Lavinafood từ các kênh truyền thống (GT), kênh MT trên các hệ thống siêu thị lớn: Big C, MM, Co.op mart, Lan Chi, Vinmart và bắt đầu triển khai vào kênh Horeca

- Phát triển mạnh các hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm: Các chương trình marketing cho sản phẩm mới và hệ thống bán lẻ phải triển khai hàng ngày và đánh giá hàng tháng. Đẩy mạnh bán hàng online và xây dựng trang TMĐT riêng phục vụ bán lẻ gắn với phát triển kênh bán hàng thương mại điện tử

6 - Về công tác quản lý, điều hành:

- Nổi bật trong Công tác quản lý điều hành niên độ qua là đã tổ chức thành công Đại HĐCĐ nhiệm kỳ VI và bầu ra HĐQT mới, đồng thời kiện toàn lại ban điều hành mới và hệ thống quản lý cấp trung; Nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ đã chỉ đạo hoàn thành công tác thu hoạch và chế biến vụ 2021/2022.

- Hoàn thành và đưa hệ thống phần mềm ORACLE NETSUITE CLOUD và tục ứng dụng CNTT 4.0 vào vụ sản xuất vụ 2021/2022 và các hoạt động của Công ty mẹ cũng như Công ty TM&XNK Lam Sơn. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện các phân hệ bước đầu đã cho thấy những ưu việt hệ thống.

- Đẩy mạnh công tác bán hàng và giám sát việc thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch SXKD đã được phê duyệt. Bên cạnh đó đẩy mạnh việc mua đường trong và ngoài nước để làm nguyên liệu cho sản xuất đường phèn, đường túi tăng doanh thu. Tập trung cao cho Công ty TNHH TM và XNK Lam Sơn cả về nhân lực và nguồn lực nhất là đầu tư cho hệ thống Lavina để đẩy mạnh thị trường bán lẻ các sản phẩm đồ uống đi kèm đường các loại.

- Bước đầu hoàn thiện tổ chức quản lý điều hành đánh giá hiệu quả công việc bằng KPI hàng tháng sát với thực tế.

- Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các công ty con và công ty thành viên từ lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch. Cơ cấu lại hệ thống quản lý tại Công ty Tâm Phú Hưng, giao trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, bước đầu đã phát huy hiệu quả.

- Tập trung nhân lực, nguồn lực cho việc hoàn thiện thủ tục pháp lý và các công trình trọng điểm tại Dự án Công viên sinh thái Tre luồng Thanh Tam. Đặc biệt là việc xác định điểm mấu chốt và đánh giá lại tiến độ thực hiện thủ tục pháp lý và xây dựng của dự án làm cơ sở trình HĐQT triển khai.

- Cân đối tài chính và dòng tiền phục vụ cho các hoạt động SXKD trong niên độ đảm bảo và ổn định.

7. Tình hình triển khai các dự án trong 6 tháng đầu niên độ:

7.1. Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam:

- Phối hợp với Hội đồng GPMB các huyện, triển khai thực hiện xong chi trả tiền GPMB đến: Diện tích dự án thực hiện xong chi trả tiền GPMB đến 31/03/2022: 153,6ha/163,4ha = 94%, (trong đó: Thọ Xuân 94,8 ha/104,5 ha = 90,7%; Thường Xuân 58,8 ha/ 58,8 ha = 100%. Ngày 30/12/2021 đã bàn giao toàn bộ diện tích Bãi Đoàn cho dự án quản lý và sử dụng. Đến nay đang tích cực làm việc để hoàn thiện hồ sơ thuê đất.

- Bên cạnh các hạng mục đã hoàn thiện từ trước trong niên độ tiếp tục hoàn thiện các công trình như nhà hàng, quần thể tượng vua và đầu tư hoàn thiện khu Suối cảnh, Nhà cộng đồng, san lấp mặt bằng khu quảng trường trung tâm và xây dựng hệ thống mương thoát nước, đường từ ngã ba trung tâm đến đầu cầu phao.

7.2. Dự án dịch cô đặc và sản phẩm nước mía thứ 2: Đã hoàn thành giai đoạn 1 cho hệ thống cô đặc dịch sau màng lọc với công suất 60 tấn/ngày với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 trên 43 tỷ đồng, điều chỉnh dây chuyền thiết bị và hệ thống điều khiển theo yêu cầu của chuyên gia Kiều Long, sản xuất đợt 2 được 305 tấn dịch cô đặc phục vụ các sản phẩm mới.

7.3. Dự án nâng công suất Nhà máy đường phèn lên 50 tấn/ngày: Cuối niên độ trước tình hình thị trường phát triển tốt HĐQT và Ban ĐH đã quyết định cho đầu tư nâng công suất Nhà máy đường phèn lên 50 tấn/ngày với tổng mức đầu tư dự kiến 7 tỷ đồng. Vật tư nhập khẩu từ Hebei – Trung Quốc đã lên

tàu ngày 7/7/2022, về đến LASUCO ngày 25/07/2022 và đưa vào lắp đặt hoàn thiện. Dự án đã chính thức đưa vào vận hành từ ngày 01/09/2022 vượt tiến độ 1 tháng so với kế hoạch đề ra.

III - MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguồn cung nguyên liệu:

- **Nguyên liệu mía:** Giá mía mặc dù có tăng tuy nhiên người trồng mía vẫn không mặn mà với cây mía, diện tích bị thu hẹp, sản lượng bị giảm sút nghiêm trọng. Công tác thu hoạch vận chuyển vẫn chưa tốt, mía để lưu bãi, lưu trên xe quá lâu làm gây khó khăn cho sản xuất, giảm hiệu quả thu hồi, càng về cuối vụ chất lượng mía càng giảm sút mạnh.

- **Nguyên liệu đường thô:** Việc áp thuế CBPG và thuế CTC của Nhà nước đã ảnh hưởng đến chiến lược nguồn nguyên liệu đường thô thay thế cho mía nguyên liệu. Tình trạng buôn lậu đường khó kiểm soát đã làm cho đường cát trong nước gặp nhiều khó khăn.

2. Tồn tại trong sản xuất:

Công tác đánh giá thiết bị trong kiểm tu thiết bị chưa triệt để dẫn đến các sự cố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, ảnh hưởng rất lớn đến tổng hiệu suất thu hồi tại Nhà máy đường trong vụ vừa qua, giá thành sản xuất còn cao.

3. Tồn tại quản lý, quản trị và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Quản lý, điều hành mặc dù đã có sự cố gắng linh hoạt, tuy nhiên do tác động suy giảm mạnh của ngành đường đã bộc lộ rõ những tồn tại yếu kém trong công tác quản lý điều hành, sa sút về nhân lực, công cụ quản trị yếu triển khai chậm không đúng theo kế hoạch; chưa áp dụng triệt để CNTT vào trong quản trị điều hành; Lực lượng lao động có trình độ chuyên môn tại các đơn vị thiếu và yếu; lao động tiếp tục biến động theo xu hướng giảm về cả số lượng và chất lượng, trong thực trạng công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn.

4. Thách thức trong phát triển thị trường, đặc biệt là ngành đồ uống:

- Hệ thống phân phối sản phẩm mới còn rất nhiều vấn đề trong năm vừa qua, mặc dù đã áp dụng hệ thống quản lý DMS nhưng chi phí thương mại vẫn quá cao ảnh hưởng lớn đến kế hoạch SXKD trong điều kiện tài chính còn hạn hẹp; nhân sự tuyển dụng khó.

- Tác động quá lớn của đại dịch Covid-19 đã làm suy giảm thị trường gây ảnh hưởng lớn đến công tác tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm đồ uống và tác động lớn đến kế hoạch sản xuất của các đơn vị thành viên trong Công ty.

5. Tồn tại trong dự án:

Dự án công viên sinh thái vẫn đề hồ sơ pháp lý còn rất nhiều khó khăn, công tác giải phóng mặt bằng và hoàn thiện hồ sơ về đất còn rất chậm, thủ tục pháp lý liên quan chưa triển khai đồng bộ do phụ thuộc nhiều vào các Sở Ban ngành, ảnh hưởng rất lớn đến mục tiêu của dự án, một số công trình phụ thuộc vào nhà thầu nước ngoài ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ công trình; Dự án Tâm Phú Hưng và Dự án cô đặc cũng còn nhiều tồn tại phải giải quyết.

**TƯƠI NGON, DÃ KHÁT
MÁT LẠNH, TỰ NHIÊN**

**Mía tươi
tự nhiên**

lavinia
FOOD
MÍATA
NƯỚC MÍA
TẮC
Cane juice
Kumquat flavoured

**Năng
lượng**

Natri

Nước mía
100%
tự nhiên

Một Sản Phẩm của Lasuco Group



CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động của HĐQT
2. Hoạt động của Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021/2022

1. Cơ cấu quản lý Công ty, cơ cấu HĐQT

Ngày 06/11/2021 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021/2022 của Công ty đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý Công ty và bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, trong đó 01 thành viên HĐQT Độc lập. 05 thành viên HĐQT đều không tham gia Ban điều hành. Ngay sau đại hội, HĐQT đã họp phiên đầu tiên bầu các chức danh: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, Thường trực HĐQT. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT; Ban hành chương trình công tác toàn nhiệm kỳ. HĐQT cũng bổ nhiệm Thư ký Công ty. Bổ nhiệm Tổng giám đốc và các chức danh trong Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT. Kien toàn bộ máy quản trị điều hành và chỉ đạo các hoạt động chung của Công ty.

2. Các chỉ tiêu chính về thực hiện kế hoạch năm 2021/2022

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH so kế hoạch	
					Giá trị	% KH
1	Doanh thu thuần	Tr.đồng	2.600.000	2.041.008	(558.992)	78,5
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	99.600	49.938	(49.662)	50,1
3	Cổ tức	%	8			

3. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2021/2022

Năm 2021/2022 tình hình trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn, dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, bùng phát nhiều lần, chiến tranh đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD năm tài chính 2021-2022 toàn Công ty. Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT nhiệm kỳ mới, của Ban điều hành cùng sự cố gắng nỗ lực của các đơn vị đã thực hiện đồng bộ các giải pháp, tranh thủ thuận lợi, khắc phục khó khăn, Công ty đã vượt qua thách thức; Sản xuất kinh doanh được giữ vững ổn định; có bước phát triển, tăng trưởng so với cùng kỳ. Thu nhập, đời sống CBCNV được cải thiện. Một số sản phẩm đồ uống, lúa gạo ra đời được thị trường chấp nhận là tiền đề cho sự hồi phục và phát triển trong những năm tới

HĐQT trình Đại hội báo cáo tài chính năm 2021/2022. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông giao:

Tổng tài sản – Nguồn vốn của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 2.558 tỷ đồng tăng 40,2 tỷ đồng tương ứng tăng 1,6% so với đầu năm;

Doanh thu thuần đạt 2.041 tỷ đồng; đạt 78,5% kế hoạch năm và bằng 110,5% so với niên độ trước;

Lợi nhuận trước thuế 49,94 tỷ đồng đạt 50,1% KH năm, bằng 177,8% so với niên độ trước

4. Đối với phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019/2020; 2020/2021 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

Nghị quyết số 336 NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 06/11/2021 của ĐHĐCĐ, thông qua tổng thể phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019/2020; năm 2021/2022 và phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán 10.000 đồng/CP.

Ngay sau khi được đại hội phê duyệt phương án phát hành. HĐQT đã ký hợp đồng tư vấn với Công ty CP chứng khoán Ngân hàng Công thương để triển khai các bước công việc phát hành cổ phiếu.

Ngày 05/04/2022, Thực hiện các nội dung uỷ quyền của ĐHĐCĐ; HĐQT đã ban hành nghị quyết số 104 NQ/ĐLS-HĐQT Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung trong phương án phát hành đảm bảo phù hợp với quy định; thông qua việc triển khai phương án phát hành chi tiết; Thông qua phương án sử dụng vốn; thông qua việc tuân thủ các quy định liên quan đến chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và nộp hồ sơ phát hành.

Tuy nhiên, do tình hình biến động chung của Thị trường chứng khoán trong năm. VN Index đã có thời gian giảm xuống thấp nhất trong hơn 10 năm qua. Giá cổ phiếu của Công ty cũng bị ảnh hưởng. Trong 03 tháng liên tục từ 01/07/2022 đến 30/09/2022 giá cổ phiếu ở mức thấp nhất.

Trong bối cảnh này, HĐQT đánh giá tính khả thi và khả năng thành công của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là không cao. HĐQT đã làm việc với đơn vị tư vấn để đưa ra phương án và giải pháp đối với phương án phát hành. Sau khi xem xét kỹ lưỡng các yếu tố và thực tế diễn biến thị trường chứng khoán; HĐQT đã quyết nghị tạm dừng hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và tiếp tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo Nghị quyết 336 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Đồng thời căn cứ nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD HĐQT trình ĐHĐCĐ phát hành ra công chúng cho cổ đông theo phương án đính kèm. Hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức đã hoàn tất, Công ty đã nộp lên UBCKNN và sẽ thực hiện khi nhận được thông báo của UBCKNN.

5. Đối với sửa đổi điều lệ, các quy chế quản trị:

Hội đồng quản trị hoàn thiện và ban hành Điều lệ sửa đổi, đăng ký theo đúng quy định; Hoàn thiện và ban hành Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; Lựa chọn và ký hợp đồng kiểm toán cáo tài chính năm 2022/2023 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ giao, HĐQT chỉ đạo và cùng Ban điều hành xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc, đưa ra những quyết định thích hợp, cần thiết đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty ổn định, phát triển. Trong năm tài chính, HĐQT tập trung cao cho vụ sản xuất 2021/2022; Triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được phê duyệt; Củng cố phát triển vùng nguyên liệu; Tăng cường công tác thương mại; Tiếp tục quan tâm và mở rộng quan hệ đối ngoại phát triển vị thế Công ty trong nước và thế giới.

Hội đồng quản trị thực hiện quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ tốt nhất nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi của cổ đông và người lao động. Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

1. Các phiên họp HĐQT, các quyết định của HĐQT

Niên độ 2021/2022, HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ mỗi quý và các phiên họp bất thường để triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT.

Tại các cuộc họp, HĐQT đã thông qua kết quả hoạt động SXKD từng quý, xác định kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết tại các phiên họp HĐQT:

- Nghị quyết HĐQT về chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính từ ngày 01/07/2021 – 30/06/2022;
- Nghị quyết HĐQT điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam tại các xã Xuân Bái, Thọ Xương, Xuân Phú huyện Thọ Xuân và xã Thọ Thanh huyện Thường Xuân;
- Nghị quyết về việc gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021/2022;
- Nghị quyết về việc bán cổ phiếu quỹ;
- Nghị quyết về việc cử người đại diện chủ sở hữu giữ chức danh Chủ tịch và là người đại diện theo pháp luật tại các Công ty: Công ty thương mại, Công ty CNC, Công ty Tâm Phú Hưng, Công ty du lịch;

- Nghị quyết Nghị quyết thông qua điều chỉnh một số nội dung phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn;
- Các Nghị quyết tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau ĐHCĐ ngày 06/11/2021 và các cuộc họp HĐQT hàng quý
- Và các Quyết định, Thông báo liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị đã tập trung giám sát, hỗ trợ Ban điều hành trong thực hiện các kế hoạch SXKD niên độ 2021/2022 theo Nghị quyết ĐHCĐ

2. Thực hiện các dự án đã được phê duyệt:

- Dự án Công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam: Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các hạng mục công trình lớn của Dự án đồng thời tập trung hoàn thiện các thủ tục hồ sơ pháp lý đất đai theo quy định.

- Dự án dịch cô đặc và sản phẩm nước mía thứ 2: Hoàn thành giai đoạn 1 với công suất 60 tấn/ngày, tổng mức đầu tư giai đoạn 1 trên 43 tỷ đồng, tiếp tục sản xuất đợt 2 dịch cô đặc phục vụ các sản phẩm mới.

- Dự án nâng công suất nhà máy đường phèn: Để đáp ứng nhu cầu thị trường và phát huy thế mạnh sản phẩm của LASUCO, HĐQT đã quyết định đầu tư dự án nâng công suất Nhà máy đường phèn lên 50 tấn/ngày với tổng mức đầu tư 7 tỷ đồng. Dự án chính thức đưa vào vận hành từ ngày 01/09/2022 vượt tiến độ so với kế hoạch. Sản lượng và doanh thu sản phẩm tăng 50% so với trước đầu tư. Mang lại lợi nhuận và việc làm cho người lao động.

3. Các quyết định về giải pháp phát triển thị trường:

HĐQT chỉ đạo tập trung đẩy mạnh công tác thương mại. Hệ thống phân phối đường cát, đường phèn được duy trì ổn định ở các kênh: Khách hàng công nghiệp, khách hàng bán buôn, bán lẻ, các siêu thị và mở rộng bán lẻ theo hệ thống bán lẻ các sản phẩm đồ uống Lavina Food.

Phát triển marketing, quản trị thương hiệu. củng cố và phát triển mối quan hệ bền vững với mạng lưới các đối tác, bạn hàng lớn trong nước và quốc tế.

Đẩy mạnh hoạt động xuất – nhập khẩu. Tiếp cận cơ chế chính sách, định hướng trong quản lý xuất nhập khẩu, kịp thời chủ động trong kế hoạch nhập khẩu

Đối với ngành hàng đồ uống, các dòng sản phẩm mới: Chỉ đạo quy hoạch lại thị trường. Xây dựng hệ thống phân phối một cách tập trung, hiệu quả, vững chắc ở các kênh GT, MT, KA&Horeca

4. Các quyết định về tổ chức, quản lý, kế hoạch:

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD và đầu tư niên độ 2022/2023 toàn Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Tập trung ứng dụng chuyển đổi số, vận hành đồng bộ hệ thống Oracle Netsuite phục vụ quản lý điều hành, nâng cao năng suất, chất lượng & hiệu quả công việc. Hệ thống ERP - Oracle Netsuite chính thức hoạt động từ cuối năm tài chính 2020/2021, năm tài chính 2021/2022 triển khai tích hợp hệ thống với một số các phần mềm quản lý hiện có (phần mềm quản lý vùng nguyên liệu GIS và phần mềm quản lý bán hàng DMS của Công ty Thương mại); Tiếp tục khai thác và khắc phục những điểm hạn chế của hệ thống để đảm bảo quy trình, nâng cao năng suất, hiệu suất hoạt động.

Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn đảm bảo sử dụng hiệu quả.

Cải tiến bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Xây dựng đề án và triển khai thực hiện đề án đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cho hoạt động SXKD của Công ty. Phát triển lực lượng CBVNV, phát triển công tác nghiên cứu sản phẩm mới, xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty. Hoàn thiện tối ưu tổ chức bộ máy- bố trí nhân sự tại các đơn vị Công ty mẹ; Các đơn vị Tâm Phú Hưng; CNC; Công ty Thương mại. Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

5. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý:

Ưu điểm: HĐQT đã kiện toàn các chức danh thuộc Ban điều hành ngay sau ĐHCĐ thường niên

2021/2022. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban điều hành và cán bộ quản lý đã bám sát NQ ĐHCĐ, NQ HĐQT và các chính sách, quy định, quy chế của Công ty; Toàn thể Ban lãnh đạo và CNCNV đồng lòng, nỗ lực vượt qua khó khăn, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD niên độ tài chính 2021/2022, đồng thời triển khai tích cực các dự án trọng điểm. Đặc biệt chú trọng trong công tác phát triển vùng nguyên liệu, công tác thương mại, tiêu thụ sản phẩm trong bối cảnh kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn.

Nhược điểm: Tình trạng nguyên liệu mía giảm về diện tích, sản lượng và chất lượng. Một số chỉ tiêu trong sản xuất các sản phẩm chưa đạt kế hoạch; Chiến lược của Công ty bị ảnh hưởng, Công tác thương mại, thị trường cho các sản phẩm mới của Công ty đang gặp phải những khó khăn, thách thức trong bối cảnh kinh tế xã hội khó khăn. Công tác triển khai một số dự án đầu tư chưa đạt tiến độ do GPMB cũng như các hồ sơ pháp lý liên quan còn chậm. Những nhân tố này đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM TÀI CHÍNH 2022/2023

1. Định hướng mục tiêu của Công ty năm 2022/2023

Hội đồng quản trị đánh giá diễn biến tình hình trong nước và thế giới. Thực tế nguồn lực của Công ty, các nhân tố thuận lợi, cũng như những thách thức và các rủi ro. HĐQT thống nhất các mục tiêu niên độ tài chính 2022/2023 đề nghị ĐHCĐ xem xét thông qua để chỉ đạo thực hiện.

+ Chỉ tiêu về SXKD của Công ty năm 2022/2023:

- Doanh thu:	2.166 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế:	60 tỷ đồng
- Cổ tức:	5 %

2. Hoạt động của HĐQT: Chỉ đạo Ban điều hành triển khai các nhiệm vụ năm 2022/2023

2.1. Ngành mía đường

Về nguyên liệu mía: Tập trung chăm sóc, thu hoạch mía vụ 2022/2023 đảm bảo đưa mía tươi, mía sạch về nhà máy. Xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu. Ổn định tổ chức, vận hành theo đúng cơ cấu tổ chức quản lý mới đã được phê duyệt. Thực hiện các chỉ tiêu giao khoán kế hoạch về năng suất, sản lượng, chất lượng mía gấn với tiền lương, thu nhập cho từng bộ phận, cán bộ địa bàn.

Về công nghiệp chế biến:

- Đối với Nhà máy Đường – Điện: Khai thác có hiệu quả thiết bị và công nghệ đã đầu tư; Tiết kiệm năng lượng và nguyên vật liệu trong sản xuất chế biến. Nâng cao năng lực phát điện từ Biomass. Nâng cao hiệu quả sản xuất, chế luyện.

- Đối với Nhà máy Lavina: Tính toán phương án giảm giá thành sản xuất các sản phẩm Lavina.

2.2. Ngành Nông nghiệp CNC

Đánh giá lại tài sản để khai thác có hiệu quả; Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tinh gọn; Tổ chức lại sản xuất, bố trí đất đai, cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hóa các loại sản phẩm (dưa vàng, dưa lưới, cây ăn quả...); Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; Giữ gìn, phát triển thương hiệu sản phẩm Nông nghiệp hữu cơ cung cấp các sản phẩm “Vì chất lượng cuộc sống, vì sức khỏe con người”. Nghiên cứu triển khai xây dựng nhà máy công nghiệp chế biến rau quả, thực phẩm.

2.3. Ngành lúa gạo

Liên kết với các Trung tâm khuyến nông tư vấn, chuyển giao công nghệ giúp cải thiện năng suất lúa, giúp liên kết với các thị trường tiêu thụ lớn để xuất khẩu. Đẩy mạnh mở rộng liên kết vùng nguyên liệu lúa tại các huyện theo hướng hợp tác hữu cơ bền vững với sản lượng 10.000 tấn lúa/vụ, tập trung vào

các giống chủ lực. Ổn định tổ chức hoạt động của Công ty Tâm Phú Hưng; Xây dựng sản phẩm lúa – gạo thương hiệu Tâm Phú Hưng và tổ chức truyền thông giới thiệu các sản phẩm.

2.4. Ngành Tre luồng và Công viên sinh thái tre luồng

Tập trung triển khai các hạng mục công trình chính đồng thời đấu nối các Sở, Ngành và UBND các huyện khẩn trương hoàn thành thủ tục pháp lý theo quy định, đặc biệt là thủ tục đất đai của Dự án; Xây dựng phương án khai thác, vận hành có hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ du lịch.

2.5. Công tác Thương mại và thị trường

Đẩy mạnh công tác bán lẻ, thị trường và các kênh tiêu thụ ngành đường; Phát triển marketing, quản trị thương hiệu. Củng cố và phát triển mối quan hệ bền vững với mạng lưới các đối tác, bạn hàng lớn trong nước và quốc tế.

Đối với ngành hàng đồ uống, các dòng sản phẩm mới: Quy hoạch lại thị trường. Xây dựng hệ thống phân phối một cách tập trung, hiệu quả, vững chắc ở tất cả các kênh. Tuyển dụng, bổ sung nhân sự các cấp theo tiến độ quy hoạch, phát triển vùng thị trường. Tìm kiếm và đề xuất lựa chọn thuê tư vấn chiến lược để củng cố phát triển ngành đồ uống.



2.6. Công tác Quản lý - Quản trị - Tài chính

Triển khai Kế hoạch SXKD niên độ 2022/2023 đồng bộ và thống nhất. Đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý, giám sát hoạt động SXKD tại Công ty mẹ và các Công ty con. Tăng cường đánh giá, cải thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; Chuẩn hóa bộ quy trình doanh nghiệp; Tăng cường phát triển lực lượng CBVNV, rèn luyện đội ngũ, công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, xây dựng hình ảnh thương hiệu Công ty.

Tập trung ứng dụng Chương trình chuyển đổi số, thực hiện tốt Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP để nâng cao chất lượng quản lý, điều hành, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng & hiệu quả công việc.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, quản trị doanh nghiệp, bổ sung hoàn thiện theo Điều lệ & Quy chế quản trị Công ty mới sửa đổi và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới;

Lựa chọn và hợp tác với nhà tư vấn uy tín hàng đầu, hình thành và xây dựng Cơ chế Quan hệ với Cổ đông & Nhà đầu tư và công tác truyền thông có hệ thống, chuyên nghiệp. Đảm bảo Cổ đông, Nhà đầu tư và Công ty thường xuyên trao đổi thông tin hai chiều; Có kế hoạch định kỳ gặp gỡ các Nhà đầu tư & Cổ đông giới thiệu các chương trình dự án, thu hút và huy động thêm vốn đầu tư từ phát hành thêm cổ phiếu và trái phiếu; Xây dựng cơ cấu cổ đông chiến lược phù hợp, đóng góp nhiều hơn nữa xây dựng Công ty phát triển bền vững.

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022/2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các phiên họp định kỳ của HĐQT trong niên độ 2022/2023 dự kiến bao gồm các phiên họp định kỳ:

- Phiên họp thứ 1 - Quý III/2022, dự kiến từ 10-15/10/2022
- Phiên họp thứ 2 - Quý IV/2022, dự kiến từ 10-15/01/2023
- Phiên họp thứ 3 - Quý I/2023, dự kiến từ 10-15/04/2023
- Phiên họp thứ 4 - Quý II/2023, dự kiến từ 10-15/07/2023
- Phiên họp thứ 5 - Quý III/2023, dự kiến từ 10-15/10/2023 trước Đại hội cổ đông năm 2023-2024

Nội dung chính của các phiên họp định kỳ là đánh giá tình hình thực hiện NQ ĐHCĐ, NQ HĐQT và xác định nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cụ thể đảm bảo hoàn thành mục tiêu. Khi cần thiết vì sự phát triển của Công ty, HĐQT có thể họp các phiên bất thường.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020/2021 của Công ty ngày 06/11/2021., ĐHĐCĐ 2021/2022 đã bầu ra Ban kiểm soát (BKS) và ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát” thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hoạt động SXKD đúng quy định và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định hiện hành:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của BKS trong năm 2021/2022:

- Trực tiếp và phối hợp với các đơn vị kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty. Giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2021/2022.
- Thẩm định, đánh giá báo cáo tài chính hàng quý do Công ty lập và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC năm do kiểm toán thực hiện. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn phát triển vốn.
- Phối hợp với Ban điều hành thực hiện kiểm soát, đánh giá hoạt động SXKD tại các Công ty con, đơn vị thành viên: Công ty TNHH NN Công nghệ cao Mía đường Lam Sơn, Công ty TNHH TPNS CNC Tâm Phú Hưng, Công ty TNHH TM XNK Lam Sơn.
- Thẩm định các hạng mục xây dựng cơ bản, các dự án đang triển khai theo yêu cầu của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.
- Đề xuất các giải pháp khắc phục những vấn đề trong quá trình kiểm tra, kiểm soát. Giám sát theo dõi việc khắc phục những tồn tại.
- Tham dự các phiên họp HĐQT, Ban điều hành liên quan đến công tác kiểm soát. Trao đổi, phối hợp trong việc theo dõi, kiểm soát hoạt động tại các đơn vị.
- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty (Công bố thông tin định kỳ/đột xuất Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng/năm, các NQ, QĐ của HĐQT, giao dịch mua/bán cổ phiếu LSS của người nội bộ Công ty, người có liên quan đến người nội bộ,...).
- Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tại quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

II. Nhiệm vụ trọng tâm của Ban kiểm soát năm 2022/2023

- Giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT và các quy định, quy trình quản lý nội bộ Công ty trong năm 2022/2023.
- Trực tiếp và phối hợp với các đơn vị kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty.
- Thẩm định, đánh giá báo cáo tài chính hàng quý do Công ty lập và BCTC soát xét 06 tháng, BCTC năm do kiểm toán thực hiện. Rà soát Tài sản - Nguồn vốn - Cơ cấu vốn, công nợ Công ty mẹ LASUCO và các công ty con tại các thời điểm trong năm 2022/2023.
- Tham gia, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cũng như các phòng ban Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty trong công tác nguyên liệu, chế biến, thương mại.
- Tham gia, phối hợp với Ban điều hành trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động SXKD tại các Công ty con, đơn vị thành viên LASUCO.
- Tham dự các phiên họp HĐQT, Ban điều hành liên quan đến công tác kiểm soát kết quả hoạt động SXKD toàn tập đoàn. Trao đổi, phối hợp trong việc theo dõi, kiểm soát hoạt động tại các đơn vị.

- Phối hợp cùng HĐQT, BĐH và các đơn vị có liên quan chuẩn bị các điều kiện cần thiết tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022/2023.

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty (Công bố thông tin định kỳ/đột xuất Báo cáo tình hình quản trị Công ty 06 tháng/năm, các NQ, QĐ của HĐQT, giao dịch mua/bán cổ phiếu LSS của người nội bộ Công ty, người có liên quan đến người nội bộ,...).

- Thẩm định, giám sát các hạng mục/công trình XD CB, dự án đang triển khai theo yêu cầu của HĐQT/Chủ tịch HĐQT.

- Định kỳ thực hiện và gửi báo cáo theo quy định tại quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: Triệu đồng

Họ và tên	Lương		Thù lao		Tổng cộng
	Tỷ lệ	Thành tiền	Tỷ lệ	Thành tiền	
Hội đồng quản trị	72,2	2.593,9	27,8	1.000	3.593,9
Ông Lê Văn Tam	77,7	836,0	22,3	240	1.076
Ông Lê Văn Tân	77,35	751,4	22,65	220	971,4
Ông Lê Trung Thành	76,85	531,3	23,15	160	691,3
Bà Lê Thị Huệ	76,64	459,2	23,36	140	599,2
Ông Nguyễn Thanh Tân	11,11	15	88,89	120	135
Ông Phùng Thanh Hải	0,83	1	99,17	120	121
Ban điều hành	100	2.321,4			2.321,4
Lê Văn Phương	100	465,9			465,9
Lê Bá Chiêu	100	425,9			425,9
Lê Văn Quang	100	412			412
Nguyễn Duy Thành	100	427,8			427,8
Phạm Ngọc Quý	100	167,2			167,2
Nguyễn Xuân Lam	100	422,6			422,6
Ban kiểm soát	63,76	619,2	36,24	352	971,2
Ông Lê Huy Hùng	60,97	249,9	30,03	160	409,9
Ông Trịnh Đình Toán	64,74	198,3	35,26	108	306,3
Ông Nguyễn Thành Tâm	67,06	171	32,94	84	255
Tổng cộng					

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	56.875	0,08%	10.075	0,01%	Giảm do giao dịch bán
2	Lê Bá Chiêu	Phó Tổng giám đốc	52.240	0,07%	2.240	0,03%	Giảm do giao dịch bán

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/09/2022, vốn điều lệ của Công ty như sau :

Vốn điều lệ của Công ty	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu

2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/09/2022, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ trọng
TỔNG CỘNG	8.120	70.000.000	100
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	79	774.029	1,11
Cổ đông là tổ chức	14	560.013	0,80
Cổ đông là cá nhân	65	214.016	0,31
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	8.041	69.225.971	98,89
Cổ đông là tổ chức	32	24.507.237	35,01
Cổ phiếu quỹ	8.009	44.718.734	63,88

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất vào ngày 20/09/2022, Cổ đông nước ngoài nắm giữ 774.029 cổ phiếu; tỷ lệ nắm giữ 1,11% với số lượng là 79 cổ đông. Trong đó 14 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 560.013 cổ phiếu, tỷ lệ 0,80%; còn lại 65 cổ đông là cá nhân nắm giữ 214.016 cổ phiếu; tỷ lệ 0,31%.

Cổ đông trong nước nắm giữ 69.225.971 cổ phiếu; tỷ lệ nắm giữ 98,89% với số lượng là 8.041 cổ đông. Trong đó 32 cổ đông là Tổ chức nắm giữ 24.507.237 cổ phiếu; tỷ lệ 35,01%; còn lại 8.009 cổ đông là cá nhân nắm giữ 44.718.734 cổ phiếu; tỷ lệ 63,88%.

3. Danh sách cổ đông lớn sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 20/09/2022:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	15.635.190	22,34
2	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Đầu Tư Thăng Long Hà Nội	Số 6, Ngõ 53 Nguyễn Khoái, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	4.533.116	6,48
Tổng cộng			20.168.306	28.81

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ tại 20/09/2022:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	966.360	1,38
2	Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	1.655.052	2,36
3	Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT	10.075	0,01
4	Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	5.000	0,01
5	Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT		
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC				
1	Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	3.130	0,004
2	Lê Văn Quang	Phó TGD	66.750	0,09
3	Lê Bá Chiều	Phó TGD	2.240	0,003
4	Nguyễn Duy Thành	Phó TGD	4.712	0,01
5	Nguyễn Xuân Lam	Phó TGD	10.137	0,01
6	Phạm Ngọc Quý	Phó TGD	3.825	0,01
BAN KIỂM SOÁT				
1	Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát	1.000	0,001
2	Trịnh Đình Toán	Thành viên		
3	Nguyễn Thành Tâm	Thành viên		
KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng	5.000	0,01







CHƯƠNG 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của công ty mẹ
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực HĐQT	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN/BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336 NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tiếp tục thực hiện mô hình Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị và sẽ áp dụng mô hình Ban Kiểm soát. Sau đó, ngày 1 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 174 QĐ/ĐLS – HĐQT về việc thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 6 tháng 11 năm 2021 bao gồm:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

Các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này:

Bà Lê Thị Huệ	Phụ trách
Bà Hồ Thị Thúy	Phó ban
Bà Lê Thị Quy	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 5 tháng 11 năm 2021 là Ông Lê Văn Tam và từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tân, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

Số tham chiếu: 61060845/22928778

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4663-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		798.972.354.124	792.845.036.022
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.864.016.225	15.070.086.958
111	1. Tiền		30.749.398.033	15.070.086.958
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.114.618.192	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		282.482.936.535	388.689.891.170
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	128.203.770.559	133.735.286.127
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	146.973.902.412	165.522.185.617
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	11.150.000.000	28.257.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.746.278.704	82.792.237.916
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(22.591.015.140)	(21.616.818.490)
140	III. Hàng tồn kho	8	478.308.279.331	385.192.529.095
141	1. Hàng tồn kho		482.338.518.212	389.736.158.079
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.030.238.881)	(4.543.628.984)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.317.122.033	3.892.528.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.317.122.033	3.892.528.799
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.597.663.920.969	1.669.897.066.244
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		36.302.968.190	-
216	1. Phải thu dài hạn khác		36.302.968.190	-
220	II. Tài sản cố định		935.107.682.582	1.067.350.285.122
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	890.725.093.950	1.036.913.430.136
222	Nguyên giá		2.675.163.323.302	2.660.282.935.096
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.784.438.229.352)	(1.623.369.504.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	44.382.588.632	30.436.854.986
228	Nguyên giá		47.425.838.413	41.498.657.235
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.043.249.781)	(11.061.802.249)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		332.508.074.016	269.403.152.489
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	332.508.074.016	269.403.152.489
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	257.532.059.840	289.343.431.344
251	1. Đầu tư vào công ty con		268.025.038.981	268.025.038.981
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.500.000.000	21.500.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.251.145.800	5.251.145.800
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(67.244.124.941)	(35.432.753.437)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		36.213.136.341	43.800.197.289
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	36.213.136.341	43.800.197.289
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.396.636.275.093	2.462.742.102.266

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		776.930.254.782	918.106.460.191
310	I. Nợ ngắn hạn		700.915.649.104	792.413.948.081
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	64.839.119.606	110.487.699.480
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	4.094.248.761	49.217.440.442
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	25.001.832.090	17.777.226.777
314	4. Phải trả người lao động		10.651.785.250	10.192.964.888
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	36.490.597.554	59.186.259.102
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.870.194.944	5.604.448.281
320	7. Vay ngắn hạn	18	553.075.900.402	539.117.755.293
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.891.970.497	830.153.818
330	II. Nợ dài hạn		76.014.605.678	125.692.512.110
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	-	39.000.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	41.203.260.093	41.433.260.093
338	3. Vay dài hạn	18	6.335.000.000	14.535.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	28.476.345.585	30.724.252.017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.619.706.020.311	1.544.635.642.075
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.596.858.783.607	1.521.819.901.130
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	181.855.673.009
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(25.442.046.725)
418	4. Quỹ đầu tư và phát triển		582.756.412.747	580.200.492.310
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		122.647.038.059	85.205.782.536
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		80.093.727.911	59.646.578.164
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		42.553.310.148	25.559.204.372
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		22.847.236.704	22.815.740.945
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	5.281.087.975	2.639.654.975
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	17.566.148.729	20.176.085.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.396.636.275.093	2.462.742.102.266

Người lập
Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.950.294.474.039	1.731.661.496.229
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 – 02]	24.1	1.950.294.474.039	1.731.661.496.229
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.741.664.473.283	1.590.305.612.595
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 – 11]		208.630.000.756	141.355.883.634
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	5.665.072.439	3.893.215.063
22	7. Chi phí tài chính	26	56.828.003.210	27.367.550.919
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.927.716.348	14.907.507.645
25	8. Chi phí bán hàng	27	64.677.044.371	47.337.909.048
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	38.896.013.818	37.843.622.707
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 – 22 – 25 – 26]		53.894.011.796	32.700.016.023
31	11. Thu nhập khác	28	4.824.225	3.712.975.272
32	12. Chi phí khác	28	3.230.064.913	5.592.864.927
40	13. Lỗ khác [40 = 31 – 32]		(3.225.240.688)	(1.879.889.655)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		50.668.771.108	30.820.126.368
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	8.115.460.960	5.260.921.996
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 – 51]		42.553.310.148	25.559.204.372



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		50.668.771.108	30.820.126.368
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		157.398.051.206	147.196.649.971
03	Các khoản dự phòng		32.272.178.037	8.438.568.715
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(113.888.481)	(125.344.710)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.350.489.419)	3.455.746.198
06	Chi phí lãi vay	26	18.927.716.348	14.907.507.645
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		255.802.338.799	204.693.254.187
09	Giảm các khoản phải thu		72.132.821.559	12.586.253.525
10	Tăng hàng tồn kho		(92.602.360.133)	(195.062.811.650)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả		(158.457.803.073)	61.920.429.155
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		7.585.020.088	(116.163.868)
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.406.612.207)	(15.280.947.714)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.196.714.226)	(5.532.715.791)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.053.705.239	13.113.699.740
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.906.375.998)	(19.191.119.671)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.004.020.048	57.129.877.913
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(110.599.989.947)	(189.423.944.782)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.145.321.352	7.850.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		17.107.000.000	(28.257.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.137.000.000	8.323.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.013.028.542	1.626.704.662
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(84.197.640.053)	(199.881.240.120)

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ		35.041.706.517	9.108.905.500
33	Tiền thu từ đi vay		1.246.581.831.358	1.151.337.083.116
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.240.823.686.249)	(1.021.821.343.787)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(3.414.280)	(2.796.136.395)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40.796.437.346	135.828.508.434
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		18.602.817.341	(6.922.853.773)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.070.086.958	21.977.130.971
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		191.111.926	15.809.760
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	33.864.016.225	15.070.086.958



Người lập
Hồ Thị Hậu



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phen	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
	HĐQT	
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN/BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336 NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, theo đó, Công ty không tiếp tục thực hiện mô hình Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị và sẽ áp dụng mô hình Ban Kiểm soát. Sau đó, ngày 1 tháng 7 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành Quyết định số 174 QĐ/ĐLS – HĐQT về việc thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị.

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 6 tháng 11 năm 2021 bao gồm:

Bà Lê Thị Huệ	Trưởng Ban
Ông Lê Huy Hùng	Phó ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

Các thành viên Bộ phận Kiểm toán nội bộ từ ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến ngày lập báo cáo này:

Bà Lê Thị Huệ	Phụ trách
Bà Hồ Thị Thúy	Phó ban
Bà Lê Thị Quy	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Tân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực	
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 5 tháng 11 năm 2021 là Ông Lê Văn Tân và từ ngày 6 tháng 11 năm 2021 đến ngày lập báo cáo này là Ông Lê Văn Tân, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

Số tham chiếu: 61060845/22928778 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Đỗ Đức Hiếu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4663-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		991.422.243.191	879.951.235.253
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	47.752.263.524	33.955.889.537
111	1. Tiền		37.125.112.394	19.686.204.628
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.627.151.130	14.269.684.909
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		292.654.642.079	340.002.452.074
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	163.532.861.082	162.958.421.285
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	129.324.542.268	154.846.530.412
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	32.610.817.343	52.632.240.153
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(32.813.578.614)	(30.434.739.776)
140	IV. Hàng tồn kho	8	640.740.569.057	498.140.684.747
141	1. Hàng tồn kho		646.571.170.219	503.494.693.029
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.830.601.162)	(5.354.008.282)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.274.768.531	7.852.208.895
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.006.758.720	6.085.426.676
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.256.549.235	1.560.514.574
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		11.460.576	206.267.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.567.066.676.169	1.638.244.887.294
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.524.980.610	316.024.500
216	1. Phải thu dài hạn khác		8.547.480.610	338.524.500
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		1.115.504.945.847	1.249.826.951.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.067.032.333.836	1.215.184.302.426
222	Nguyên giá		2.982.860.420.621	2.954.300.555.425
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.915.828.086.785)	(1.739.116.252.999)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	48.472.612.011	34.642.648.574
228	Nguyên giá		52.258.456.172	46.331.274.994
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.785.844.161)	(11.688.626.420)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		354.251.561.243	293.587.500.206
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	354.251.561.243	293.587.500.206
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	36.251.145.800	36.251.145.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.251.145.800	6.251.145.800
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		52.534.042.669	58.263.265.788
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	49.112.664.544	57.946.367.072
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30.3	3.421.378.125	316.898.716
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.558.488.919.360	2.518.196.122.547

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		923.045.994.647	964.701.040.316
310	I. Nợ ngắn hạn		847.763.640.635	886.424.755.372
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	106.474.188.037	132.331.262.048
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	17.711.753.768	71.256.571.660
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	26.360.414.585	18.113.059.758
314	4. Phải trả người lao động		21.597.656.649	20.086.883.604
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	51.456.259.609	69.282.740.067
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	37.497.162.513	24.246.130.368
320	7. Vay ngắn hạn	18	582.451.382.208	547.947.101.280
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	4.214.823.266	3.161.006.587
330	II. Nợ dài hạn		75.282.354.012	78.276.284.944
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	2.000.000.000
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	40.344.946.150	40.890.970.650
338	3. Vay dài hạn	18	6.335.000.000	4.535.000.000
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	28.602.407.862	30.850.314.294
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.635.442.924.713	1.553.495.082.231
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.606.316.692.450	1.529.172.964.902
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	181.855.673.009
423	3. Cổ phiếu quỹ		-	(25.442.046.725)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		595.170.023.237	592.614.102.800
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		91.991.983.572	52.619.254.839
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		47.492.699.126	29.888.519.337
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		44.499.284.446	22.730.735.502
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		27.699.352.840	27.525.980.979
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		29.126.232.263	24.322.117.329
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	4.828.535.477	2.951.551.359
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	24.297.696.786	21.370.565.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.558.488.919.360	2.518.196.122.547

Người lập
Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.041.008.108.004	1.846.470.514.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	24.1	2.041.008.108.004	1.846.470.514.425
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.829.966.210.604	1.682.807.615.416
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		211.041.897.400	163.662.899.009
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	5.550.601.029	4.800.944.985
22	7. Chi phí tài chính	26	28.535.185.676	28.398.603.541
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		20.419.449.379	15.716.311.834
24	8. Phần lợi nhuận từ công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	73.643.064.962	51.213.243.759
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	60.778.882.673	58.959.021.524
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		53.635.365.118	29.892.975.170
31	12. Thu nhập khác	28	50.300.054	4.046.817.671
32	13. Chi phí khác	28	3.747.194.412	5.856.058.974
40	14. Lỗ khác [40 = 31 - 32]	28	(3.696.894.358)	(1.809.241.303)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		49.938.470.760	28.083.733.867
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	8.565.155.042	5.425.507.678
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	(3.299.340.589)	(194.861.180)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		44.672.656.307	22.853.087.369
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21.1	44.499.284.446	22.730.735.502
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	173.371.861	122.351.867
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	644	300
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	644	300



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		49.938.470.760	28.083.733.867
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		172.086.010.598	163.886.533.395
03	Các khoản dự phòng		2.855.431.718	11.241.422.893
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		113.888.487	(125.344.710)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.408.916.457)	2.399.284.251
06	Chi phí lãi vay	26	20.419.449.379	15.716.311.834
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		243.004.334.485	221.201.941.530
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		53.663.194.820	(4.436.552.120)
10	Tăng hàng tồn kho		(143.076.477.190)	(251.162.782.706)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(89.582.465.554)	105.275.880.367
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		10.334.922.864	(9.076.113.518)
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.267.534.820)	(16.572.793.888)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(5.474.432.867)	(6.077.433.755)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.588.705.239	16.643.699.740
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.914.375.999)	(20.684.999.789)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		56.275.870.978	35.110.845.861
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(120.953.412.732)	(196.341.991.865)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		100.297.571	8.007.272.727
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	100.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền của công ty con tại ngày chuyển nhượng)		4.137.000.000	8.323.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		3.085.156.928	3.818.806.125
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(113.630.958.233)	(176.092.913.013)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tái phát hành cổ phiếu quỹ		35.041.706.517	25.608.905.500
33	Tiền thu từ đi vay		1.295.813.335.644	1.159.376.559.521
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.259.509.054.716)	(1.039.931.320.405)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(3.414.280)	(2.796.136.395)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		71.342.573.165	142.258.008.221
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		13.987.485.910	1.275.941.069
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		33.955.889.537	32.664.138.708
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(191.111.923)	15.809.760
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	47.752.263.524	33.955.889.537


 Người lập
 Nguyễn Thị Tú


 Kế toán trưởng
 Đỗ Thị Thanh Hà


 Tổng Giám đốc
 Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 12 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phèn	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cảnh Nang, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là: 1.296 (ngày 30 tháng 6 năm 2021: 1.344).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng khoảng 93,5% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty và các công ty con thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này là 43,59%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty tiếp tục nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty con này và theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con.

(**) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu* (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích lập chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính; và
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.17 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.22 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	529.682.154	518.446.165
Tiền gửi ngân hàng	36.595.430.240	19.167.646.963
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	10.627.151.130	14.269.796.409
TỔNG CỘNG	47.752.263.524	33.955.889.537

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 3 tháng, hưởng lãi suất từ 2,6%/năm – 3,9%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2021: 2,9%/năm - 3,9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	154.198.074.082	152.322.352.785
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory		
Pepsico Việt Nam	57.735.650.700	37.314.112.500
Công ty TNHH Czarnikow	15.218.661.244	-
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát		
Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội	-	17.612.272.125
Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng		
NUTIFOOD Bình Dương	-	11.605.295.100
Công ty TNHH URC Hà Nội	-	10.933.537.650
Các khoản phải thu khách hàng khác	81.243.762.138	74.857.135.410
Phải thu từ các bên liên quan		
(Thuyết minh số 31)	9.334.787.000	10.636.068.500
TỔNG CỘNG	163.532.861.082	162.958.421.285
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng		
khó đòi (Thuyết minh số 7)	(16.551.595.171)	(14.548.642.494)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	121.544.944.054	152.407.825.965
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp		
tác xã và hộ nông dân	94.532.527.433	107.348.967.847
Công ty TNHH Guangxi Laibin Pinguan		
Trade Group	-	25.914.185.088
Trả trước cho người bán khác	27.012.416.621	19.144.673.030
Trả trước cho các bên liên quan		
(Thuyết minh số 31)	7.779.598.214	2.438.704.447
TỔNG CỘNG	129.324.542.268	154.846.530.412
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn		
(Thuyết minh số 7)	(6.900.205.526)	(6.898.315.628)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	9.069.156.847	(508.200.000)	17.555.701.745	(169.125.000)
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	795.297.600	-	6.936.138.636	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	-	-	4.137.000.000	-
Phải thu lãi dự thu	1.193.116.439	-	1.805.475.562	-
Phải thu khác	13.049.186.151	(349.517.611)	13.693.863.904	(314.596.348)
TỔNG CỘNG	32.610.817.343	(9.361.777.917)	52.632.240.153	(8.987.781.654)
Trong đó:				
Phải thu khác	22.169.816.312		35.432.854.682	
Phải thu khác từ các bên liên quan				
(Thuyết minh số 31)	10.441.001.031		17.199.385.471	

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.434.739.776	21.290.206.023
Dự phòng trích lập trong năm	2.653.251.838	9.144.533.753
Hoàn nhập trong năm	(274.413.000)	-
Số cuối năm	32.813.578.614	30.434.739.776
Trong đó:		
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)	16.551.595.171	14.548.642.494
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)	6.900.205.526	6.898.315.628
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)	9.361.777.917	8.987.781.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	479.379.431.632	(4.292.682.947)	353.301.429.696	(3.753.117.514)
Hàng hóa	75.700.076.948	-	78.835.993.043	-
Nguyên liệu, vật liệu	62.154.653.098	(1.537.918.215)	54.511.688.417	(1.600.890.768)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.201.256.662	-	14.528.944.393	-
Công cụ, dụng cụ	2.020.062.728	-	1.736.564.105	-
Hàng mua đang đi đường	8.115.689.151	-	571.401.815	-
Hàng gửi bán	-	-	8.671.560	-
TỔNG CỘNG	<u>646.571.170.219</u>	<u>(5.830.601.162)</u>	<u>503.494.693.029</u>	<u>(5.354.008.282)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.354.008.282	3.279.619.142
Dự phòng trích lập trong năm	2.009.788.542	2.074.389.140
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.533.195.662)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>5.830.601.162</u>	<u>5.354.008.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	749.219.563.984	2.104.938.286.887	66.741.670.744	21.994.283.989	11.406.749.821	2.954.300.555.425
- Mua trong năm	7.857.224.027	5.005.841.735	1.236.409.091	67.600.000	-	14.167.074.853
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.217.893.836	1.622.972.691	590.000.000	-	177.516.543	14.608.383.070
- Thanh lý, nhượng bán	(177.092.727)	(38.500.000)	-	-	-	(215.592.727)
Số cuối năm	769.117.589.120	2.111.528.601.313	68.568.079.835	22.061.883.989	11.584.266.364	2.982.860.420.621
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	132.178.926.056	377.040.042.709	40.726.272.159	20.136.305.029	601.540.000	570.683.085.953
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	308.669.352.696	1.353.195.790.629	53.377.251.880	21.240.427.228	2.633.430.566	1.739.116.252.999
- Khấu hao trong năm	31.399.518.357	141.847.138.028	2.640.884.148	141.031.015	784.856.046	176.813.427.594
- Thanh lý, nhượng bán	(83.627.152)	(17.966.656)	-	-	-	(101.593.808)
Số cuối năm	339.985.243.901	1.495.024.962.001	56.018.136.028	21.381.458.243	3.418.286.612	1.915.828.086.785
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	440.550.211.288	751.742.496.258	13.364.418.864	753.856.761	8.773.319.255	1.215.184.302.426
Số cuối năm	429.132.345.219	616.503.639.312	12.549.943.807	680.425.746	8.165.979.752	1.067.032.333.836

Công ty và các công ty con đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy gạch Lam Sơn Sao Vàng và Nhà máy gạch Lam Sơn Bá Thước với giá trị còn lại là 71.674.851.489 VND đang được sử dụng để cho bên thứ ba thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	17.884.204.980	9.409.290.014	46.331.274.994
Mua trong năm	-	-	15.230.260.896	15.230.260.896
Giảm khác (*)	-	-	(9.303.079.718)	(9.303.079.718)
Số cuối năm	19.037.780.000	17.884.204.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	2.440.735.493	9.247.890.927	11.688.626.420
Hao mòn trong năm	-	357.684.093	992.433.366	1.350.117.459
Giảm khác (*)	-	-	(9.252.899.718)	(9.252.899.718)
Số cuối năm	-	2.798.419.586	987.424.575	3.785.844.161
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	19.037.780.000	15.443.469.487	161.399.087	34.642.648.574
Số cuối năm	19.037.780.000	15.085.785.394	14.349.046.617	48.472.612.011

(*) Trong năm, Công ty đã ghi nhận giảm giá trị một số phần mềm máy tính không còn sử dụng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Công viên Sinh thái Thanh Tam	238.873.841.363	198.474.132.444
Dự án nước mía cô đặc	47.135.141.925	17.294.159.691
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án khảo sát đánh giá và tư vấn giải pháp CNTT Lasuco	-	10.001.177.334
Dự án Trung tâm Chế biến Nông sản Công nghệ cao Lam Sơn	13.392.162.207	8.004.864.248
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sấy và xay xát lúa gạo	9.338.723.758	9.286.963.758
Dự án Trầm Hương	2.727.272.726	5.262.485.568
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	5.827.335.704	3.295.070.029
Các dự án khác	6.590.750.356	11.602.313.930
TỔNG CỘNG	354.251.561.243	293.587.500.206

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 15 tỷ VND liên quan đến các dự án xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 13,6 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		Đơn vị tính: VND	
	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	6.251.145.800	6.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.3	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG		36.251.145.800	36.251.145.800

12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	21.500.000.000	21.500.000.000
Lỗ lũy kế thuộc sở hữu của Công ty sau ngày đầu tư	(21.500.000.000)	(21.500.000.000)
Giá trị khoản đầu tư theo Phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phiếu
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này và công ty này đang tạm dừng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	100.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG		6.251.145.800	-	6.251.145.800		6.251.145.800	-	6.251.145.800

Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty nêu trên do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	1.511.814.955	2.872.615.910
Chi phí khác	3.494.943.765	3.212.810.766
TỔNG CỘNG	5.006.758.720	6.085.426.676
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	38.850.977.237	40.323.254.299
Chi phí phát triển giống mía	5.598.639.788	11.197.279.577
Công cụ, dụng cụ	2.580.315.276	3.838.144.162
Chi phí khác	2.082.732.243	2.587.689.034
TỔNG CỘNG	49.112.664.544	57.946.367.072

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	20.048.757.400	20.048.757.400	8.620.348.800	8.620.348.800
Công ty Cổ phần Vận tải Lam sơn	19.235.500.351	19.235.500.351	11.527.839.805	11.527.839.805
Công ty Cổ phần phân bón Nhật Long	16.784.894.228	16.784.894.228	9.583.467.151	9.583.467.151
Công ty TNHH Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	8.421.936.465	8.421.936.465	16.230.700.882	16.230.700.882
Công ty TNHH SIG Combibloc	1.792.363.884	1.792.363.884	17.813.758.238	17.813.758.238
Phải trả người bán ngắn hạn khác	40.190.735.709	40.190.735.709	68.555.147.172	68.555.147.172
TỔNG CỘNG	106.474.188.037	106.474.188.037	132.331.262.048	132.331.262.048
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán khác ngắn hạn</i>	<i>106.474.188.037</i>	<i>106.474.188.037</i>	<i>120.748.165.953</i>	<i>120.748.165.953</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 31)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>11.583.096.095</i>	<i>11.583.096.095</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	17.705.820.592	35.390.275.573
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	5.933.176	35.866.296.087
TỔNG CỘNG	17.711.753.768	71.256.571.660

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	12.300.119.678	120.837.914.860	(115.120.086.232)	18.017.948.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.195.318.292	8.579.656.133	(5.474.432.867)	8.300.541.558
Thuế xuất, nhập khẩu	-	32.125.592.796	(32.125.592.796)	-
Thuế thu nhập cá nhân	92.614.759	915.215.980	(1.225.939.024)	(218.108.285)
Thuế nhà thầu	360.744.652	171.766.076	(532.510.728)	-
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	164.262.377	413.073.020	(317.302.391)	260.033.006
TỔNG CỘNG	18.113.059.758	163.043.218.865	(154.795.864.038)	26.360.414.585

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả liên quan đến nhập khẩu đường thô	33.300.722.000	53.458.197.321
Chi phí hoa hồng bán hàng	9.812.385.950	7.649.515.950
Chi phí lãi vay phải trả	2.009.442.858	857.528.299
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	1.177.673.000	341.360.100
Chi phí vận chuyển mía	596.458.754	4.630.076.881
Các khoản chi phí phải trả khác	4.559.577.047	2.346.061.516
TỔNG CỘNG	51.456.259.609	69.282.740.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	14.203.986.467	7.421.055.600
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	5.799.908.383	6.290.912.633
Phải trả cổ tức	2.381.955.590	2.385.369.870
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.962.068.646	2.162.329.530
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.149.243.427	5.986.462.735
	37.497.162.513	24.246.130.368
Dài hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.700.000.000	28.700.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận	9.954.946.150	9.954.946.150
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.690.000.000	2.236.024.500
	40.344.946.150	40.890.970.650
TỔNG CỘNG	77.842.108.663	65.137.101.018
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>67.887.162.513</i>	<i>55.182.154.868</i>
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>9.954.946.150</i>	<i>9.954.946.150</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

		Đơn vị tính: VND					
	Thuyết minh	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	17.1	547.947.101.280	547.947.101.280	1.266.213.335.644	(1.245.209.054.716)	568.951.382.208	568.951.382.208
Vay bên liên quan	17.2	-	-	16.000.000.000	(2.500.000.000)	13.500.000.000	13.500.000.000
		547.947.101.280	547.947.101.280	1.282.213.335.644	(1.247.709.054.716)	582.451.382.208	582.451.382.208
Vay dài hạn							
Vay đối tượng khác	17.3	4.535.000.000	4.535.000.000	13.600.000.000	(11.800.000.000)	6.335.000.000	6.335.000.000
		4.535.000.000	4.535.000.000	13.600.000.000	(11.800.000.000)	6.335.000.000	6.335.000.000
TỔNG CỘNG		552.482.101.280	552.482.101.280	1.295.813.335.644	(1.259.509.054.716)	588.786.382.208	588.786.382.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	271.722.481.016	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6% - 6,5%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	104.494.547.596	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 21 tháng 12 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,2%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	81.901.076.978	Kỳ hạn vay 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,2% - 7,1%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa	74.957.794.812	Kỳ hạn vay 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 17 tháng 11 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,32% - 9,05%	Cổ phiếu của Công ty do một số cổ đông nắm giữ để đảm bảo cho nghĩa vụ tín dụng tối đa 50.000.000.000 VND và vay tín chấp với hạn mức tối đa là 25.000.000.000 VND.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	6,5% - 6,7%	Hệ thống máy ép thuộc Nhà máy nước mía dinh dưỡng tể bào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa	15.875.481.806	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2022. Lãi vay được trả hàng tháng.	5,7% - 6,2%	1 xe ô tô TOYOTA Land Cruiser.
TỔNG CỘNG	<u>568.951.382.208</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay bên liên quan

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ông Lê Văn Tân	13.500.000.000	Kỳ hạn 12 tháng. Gốc và lãi vay hoàn trả khi đáo hạn.	6,50%	Tín chấp.
	13.500.000.000			

18.3 Các khoản vay đối tượng khác

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công đoàn Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	4.600.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán 6 tháng 1 lần.	5%-7%	Tín chấp.
Quỹ khuyến học Mía Đường Lam Sơn	1.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	5,5%	Tín chấp.
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn.	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng	Tín chấp.
	6.335.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.161.006.587	3.264.878.796
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	2.555.920.437	2.476.081.658
Phân loại từ Phải trả dài hạn	-	800.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(1.502.103.758)</u>	<u>(3.379.953.867)</u>
Số cuối năm	<u>4.214.823.266</u>	<u>3.161.006.587</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	30.850.314.294	46.332.478.393
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.247.906.432)</u>	<u>(15.482.164.099)</u>
Số cuối năm	<u>28.602.407.862</u>	<u>30.850.314.294</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	595.338.856.693	37.903.905.896	2.763.395.059	1.483.310.878.432
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	22.730.735.502	122.351.867	22.853.087.369
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.476.081.658	(2.476.081.658)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.476.081.658)	-	(2.476.081.658)
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	1.679.261.225	7.429.644.275	-	-	-	9.108.905.500
- Công ty con tăng vốn	-	-	-	(5.200.835.551)	(2.939.398.502)	24.640.234.053	16.500.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	(123.824.741)	-	(123.824.741)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>181.855.673.009</u>	<u>(25.442.046.725)</u>	<u>592.614.102.800</u>	<u>52.619.254.839</u>	<u>27.525.980.979</u>	<u>1.529.172.964.902</u>
Năm nay							
Số đầu năm	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.499.284.446	173.371.861	44.672.656.307
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	2.555.920.437	(2.555.920.437)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.555.920.437)	-	(2.555.920.437)
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ (**)	-	9.599.659.792	25.442.046.725	-	-	-	35.041.706.517
- Giảm khác	-	-	-	-	(14.714.839)	-	(14.714.839)
Số cuối năm	<u>700.000.000.000</u>	<u>191.455.332.801</u>	<u>-</u>	<u>595.170.023.237</u>	<u>91.991.983.572</u>	<u>27.699.352.840</u>	<u>1.606.316.692.450</u>

(*) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 6 tháng 11 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(**) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc tái phát hành 2.325.850 cổ phiếu quỹ căn cứ theo Nghị quyết số 190.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021 và Nghị quyết số 319.NQ/ĐLS-HĐQT ngày 8 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Quản trị.

Cũng căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua và giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để (i) xây dựng và hoàn thành phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019/2020 và năm 2020/2021 với tỷ lệ 6,5% và (ii) xây dựng và hoàn thành phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 479:200 với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Ngày 5 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 104 NQ/ĐLS-HĐQT điều chỉnh một số nội dung trong phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019/2020, 2020/2021 và phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và theo đó, Công ty dự kiến sẽ chào bán 30.000.000 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 7:3. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa hoàn thành các nội dung này.

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801	-	181.855.673.009	181.855.673.009	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	(25.442.046.725)	(25.442.046.725)	-
TỔNG CỘNG	891.455.332.801	891.455.332.801	-	856.413.626.284	856.413.626.284	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Số cuối năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia/đã công bố (Thuyết minh số 21.1)	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong năm	(3.414.280)	(2.796.136.395)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	(2.325.850)
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	67.674.150
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	67.674.150
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.951.551.359	4.887.568.541
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	18.053.705.239	16.643.699.740
Chi trong năm	(16.176.721.121)	(18.579.716.922)
Số cuối năm	4.828.535.477	2.951.551.359

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.370.565.970	22.791.118.534
Tăng trong năm	6.299.448.882	1.194.480.000
Sử dụng trong năm	(3.372.318.066)	(2.615.032.564)
Số cuối năm	24.297.696.786	21.370.565.970

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	132.674.369.250	148.117.230.000
Trong đó:		
Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan		
(Thuyết minh số 31)	81.621.000.000	16.020.000.000
Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác	51.053.369.250	132.097.230.000
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	404.804	16.571
- Euro (EUR)	116	-

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là giá trị của 6.745 tấn đường và 2.341 tấn mật rỉ được Công ty xuất bán cho khách hàng là các đối tác kinh doanh thương mại (bao gồm các bên liên quan) và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.041.008.108.004	1.846.470.514.425
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.464.815.997.034	1.373.344.689.201
Doanh thu bán hàng hóa	608.333.163.311	495.056.598.270
Doanh thu thuần	2.041.008.108.004	1.846.470.514.425
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	24.055.527.174
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	2.041.008.108.004	1.822.414.987.251

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	2.472.797.805	3.963.781.687
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.077.803.224	837.163.298
TỔNG CỘNG	5.550.601.029	4.800.944.985

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.310.142.996.305	1.229.058.431.509
Giá vốn của hàng hóa đã bán	519.346.621.419	451.674.794.767
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	476.592.880	2.074.389.140
TỔNG CỘNG	1.829.966.210.604	1.682.807.615.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	20.419.449.379	15.716.311.834
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	10.002.412.244
Chi phí tài chính khác	8.115.736.297	2.679.879.463
TỔNG CỘNG	28.535.185.676	28.398.603.541

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh		
Chi phí nhân công	20.399.722.728	17.837.807.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.497.309.705	3.225.777.481
Chi phí vận chuyển	11.971.201.647	9.746.187.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.786.448.677	7.419.726.435
Chi phí khác	15.988.382.205	12.983.745.070
TỔNG CỘNG	73.643.064.962	51.213.243.759
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân công	29.841.544.892	26.989.613.427
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.841.651.313	5.483.434.784
Chi phí dự phòng	2.378.838.838	9.167.033.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.049.350.986	10.411.854.222
Chi phí khác	10.667.496.644	6.907.085.338
TỔNG CỘNG	60.778.882.673	58.959.021.524

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	50.300.054	4.046.817.671
Thu thanh lý tài sản	-	3.639.346.306
Thu nhập khác	50.300.054	407.471.365
Chi phí khác	3.747.194.412	5.856.058.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	223.834.441	3.040.910.124
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	130.655.145	1.195.392.446
Chi phí khác	3.392.704.826	1.619.756.404
LỖ THUẦN KHÁC	(3.696.894.358)	(1.809.241.303)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.230.594.783.739	1.206.582.215.657
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	171.928.456.518	160.845.623.271
Chi phí nhân công	101.675.257.502	99.691.270.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.411.809.639	32.759.845.756
Chi phí khác	42.739.530.454	41.905.554.966
TỔNG CỘNG	<u>1.580.349.837.852</u>	<u>1.541.784.510.160</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường, các phụ phẩm của đường từ cây mía và bán mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.565.155.042	5.425.507.678
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.299.340.589)	(194.861.180)
TỔNG CỘNG	<u>5.265.814.453</u>	<u>5.230.646.498</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	49.938.470.760	28.083.733.867
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Các khoản phạt	314.051.520	1.141.776.818
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất	223.834.441	3.040.910.124
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	4.236.272.702	583.515.760
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(15.314.668.561)	297.580.624
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ năm trước	39.397.960.862	33.147.517.193
Lỗ năm trước chuyển sang	(429.761.876)	(492.723.871)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	38.968.198.986	32.654.793.322
Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.247.646.563	1.416.877.437
Thu nhập chịu thuế suất 15%	54.104.171.535	35.080.165.559
Lỗ của các công ty con (*)	(17.383.619.107)	(3.842.249.674)
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	8.565.155.042	5.530.899.231
Thuế TNDN phải trả đầu năm	5.195.318.292	5.847.244.369
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(105.391.553)
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước	14.501.091	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.474.432.867)	(6.077.433.755)
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 15)	8.300.541.558	5.195.318.292

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cân trừ khi hợp nhất	3.299.340.589	194.861.180	3.299.340.589	194.861.180
Dự phòng phải thu khó đòi	122.037.536	122.037.536	-	-
	3.421.378.125	316.898.716		
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			3.299.340.589	194.861.180

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể và/hoặc có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác (đến ngày 1 tháng 7 năm 2021)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Văn Tam	Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Trung Thành	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Bà Lê Thị Huệ	Phó Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Phùng Thanh Hải	Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên thường trực HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Huy Hùng	Ủy viên HĐQT
Ông Trịnh Đình Toán	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Quang	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Duy Thành	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)
	Kế toán trưởng – Trưởng phòng TCKT

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Bán đường, mật rỉ Bán thành phẩm Mua hàng hóa	68.239.695.244 96.166.209.526 138.732.380.957	24.021.457.998 - -
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Mua nguyên vật liệu	5.752.273.008	-
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Chi phí nghiên cứu thị trường	1.441.227.397	8.116.847.397
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	Đi vay Trả nợ gốc vay Chi phí lãi vay	16.000.000.000 2.500.000.000 367.737.500	1.000.000.000 5.090.000.000 166.068.493
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác (đến ngày 1 tháng 7 năm 2021)	Dịch vụ vận chuyển Mua vật tư, nhiên liệu Bán đường, điện	- - -	30.169.870.000 850.000.000 34.069.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	Bên liên quan khác	Phải thu bán hàng	6.413.184.000	7.714.465.500
TỔNG CỘNG			9.334.787.000	10.636.068.500
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>				
Công ty Cổ phần BrainMark	Bên liên quan khác	Ứng trước tiền nghiên cứu thị trường	-	1.441.227.397
Công ty Cổ phần mía đường Nông Cống	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	5.752.273.008	-
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông	Hiệp hội mía đường Lam Sơn	1.134.325.210	115.477.050
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	10.999.996	-
TỔNG CỘNG			7.779.598.214	2.438.704.447
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	1.936.940.725	8.695.325.165
TỔNG CỘNG			10.441.001.031	17.199.385.471
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i>				
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	Bên liên quan khác (đến ngày 1 chuyển tháng 7 năm 2021)	Phải trả tiền dịch vụ vận	-	11.527.839.805
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông	Phải trả phí hội	-	55.256.290
TỔNG CỘNG			-	11.583.096.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Trả trước tiền mua đường	5.933.176	35.866.296.087
TỔNG CỘNG			5.933.176	35.866.296.087
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành	Bên liên quan khác	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	9.954.946.150	9.954.946.150
TỔNG CỘNG			9.954.946.150	9.954.946.150
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Đường thành phẩm, mật rỉ	81.621.000.000	16.020.000.000
TỔNG CỘNG			81.621.000.000	16.020.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)/Tổng Giám đốc (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	971.363.609	776.729.846
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	1.076.036.142	1.185.960.615
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)/Thành viên HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	691.276.520	541.591.385
Bà Lê Thị Huệ	Thành viên Thường trực HĐQT (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)/Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	599.191.263	-
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	121.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	135.000.000	80.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	465.894.758	-
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	427.795.968	478.960.615
Ông Lê Bá Chiều	Phó Tổng Giám đốc	425.914.197	474.922.154
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	412.061.834	477.614.462
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)	167.225.228	434.883.692
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	422.648.040	474.922.154
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	409.918.417	322.894.234
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	306.285.148	267.697.157
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên kiểm soát (từ ngày 6 tháng 11 năm 2021)	255.022.279	251.359.769
TỔNG CỘNG		6.886.633.403	5.887.536.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	44.499.284.446	22.730.735.502
Điều chỉnh giảm do trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	2.555.920.437
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.499.284.446	20.174.815.065
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	69.118.898	67.147.538
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	69.118.898	67.147.538
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	644	300
- Lãi suy giảm	644	300

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 336NQ/2021/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 6 tháng 11 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm 2022.

Ngoài ra, không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến khoản đầu tư dài hạn

Thực hiện Nghị quyết số 99 NQ/ĐLS – HĐQT ngày 5 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 26 tỷ VND do Công ty sở hữu 100% vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao. Trong những năm tài chính trước, Công ty đã thực hiện góp vốn vào công ty con này với tổng số tiền là 9.862.396.042 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang trong quá trình hoàn thành các thủ tục để góp bổ sung phần vốn điều lệ còn thiếu tại công ty con này.

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có cam kết khoảng 23,9 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

 _____ Người lập Nguyễn Thị Tú	 _____ Kế toán trưởng Đỗ Thị Thanh Hà	 _____ Tổng Giám đốc Lê Văn Phương
--	---	--

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2022



LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

Add: Block 6 – Lam Son Town – Tho Xuan District – Thanh Hoa

Phone: +(84) 237 899 6667 | Fax: +(84) 237 834 092

Email: info@lasuco.com.vn | Website: www.lasuco.vn

Lasuco branch in Ha Noi:

IMPORT AND EXPORT TRADE CENTRE

Add: 6/53 Nguyen Khoai – Bach Dang Ward – Hai Ba Trung Districts – Ha Noi

Phone: +(84) 243 983 4725 | Fax: +(84) 243 862 1106

Lasuco Branch in Thanh Hoa:

GIZEF – LASUCO OFFICE (VIETNAM)

Add: 145 Duong Dinh Nghe – Thanh Hoa City – Viet Nam

Phone: +(84) 237 372 0338 | Fax: +(84) 237 372 0338

Email: Gizef.lasuco@gmail.com

Lasuco Branch in Germany:

GIZEF – LASUCO OFFICE (GERMANY)

Add: Grunder – und innovationszentrum Freiberg Brand – Erbsdorf GmbH (GIZEF)

Phone: Am St.-Niclas-Schacht 13 S-090599 Freiberg BRD

Tel & Fax: +(84) 49 3731 7810